

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TIỀN GIANG



THIỆT THỰC-HIỆU QUẢ-HÀI HÒA

**BẢN MÔ TẢ  
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành đào tạo: **Luật**

Tên tiếng Anh: **Laws**

Mã ngành : **7380101**

Loại hình đào tạo: **Chính quy**

Hình thức đào tạo: **Tập trung**

*(Ban hành theo Quyết định số 623/QĐ-ĐHTG ngày 08 tháng 9 năm 2025  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang)*

**Đồng Tháp, năm 2025**

<b>PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO</b>	<b>3</b>
1. Thông tin về khoa quản lý chương trình đào tạo	3
2. Thông tin về chương trình đào tạo	3
2.1. Giới thiệu ngành học và chương trình đào tạo	3
2.2. Mục tiêu chung của chương trình đào tạo	4
3. Chuẩn đầu vào	4
4. Cấp bằng tốt nghiệp	4
<b>PHẦN II: MỤC TIÊU CỤ THỂ VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO .....</b>	<b>4</b>
1. Mục tiêu cụ thể	4
2. Chuẩn đầu ra	5
2.1. Kiến thức	5
2.2. Kỹ năng	6
2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm	6
3. Ma trận đối sánh mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	6
<b>PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO</b>	<b>6</b>
1. Cấu trúc chương trình đào tạo	6
2. Khung chương trình đào tạo	7
3. Mô tả học phần:	11
4. Sơ đồ đào tạo toàn khóa học	38
5. Ma trận đối sánh giữa học phần với chuẩn đầu ra	43
6. Hình thức học tập và phương pháp giảng dạy	43
7. Phương pháp và hình thức đánh giá kết quả học tập	39
8. Điều kiện thực hiện chương trình đào tạo	40
9. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo	45
10. Thông tin cập nhật	46

## **BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH LUẬT**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 623/QĐ-ĐHTG ngày 08 tháng 9 năm 2025  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang)*

### **PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

#### **1. Thông tin về khoa quản lý chương trình đào tạo**

Khoa Kinh tế - Luật (KTL) tiền thân là Khoa Kinh tế - Xã hội được thành lập vào năm 2005 theo Quyết định số 24/QĐ-ĐHTG ngày 31 tháng 10 năm 2005. Đến năm 2015, Khoa Kinh tế - Xã hội đổi tên thành Khoa Kinh tế - Luật theo Quyết định số 615/QĐ-ĐHTG ngày 26 tháng 10 năm 2015.

Khoa KTL có 06 bộ môn (BM): BM Kế toán, BM Quản trị kinh doanh, BM Kinh tế, BM Luật, BM Du lịch và BM Tài chính-Ngân hàng. Các BM có nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu về các hướng chuyên môn thuộc các lĩnh vực do BM phụ trách.

Chức năng của Khoa KTL được quy định tại điểm d, khoản 1, Điều 11 của Quyết định số 75/QĐ-ĐHTG ngày 01 tháng 02 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Trường Đại học Tiền Giang quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc Trường Trường Đại học Tiền Giang như sau:

- Tổ chức đào tạo và quản lý các chương trình đào tạo bậc đại học các ngành đào tạo thuộc khối ngành Kinh tế, Kế toán, Tài chính ngân hàng, Quản trị kinh doanh, Luật, Du lịch.

- Tổ chức, quản lý giảng dạy các học phần chung thuộc khối kiến thức pháp luật đại cương và các học phần khối kinh tế, luật của các ngành khác.

- Tổ chức đào tạo và hợp tác đào tạo sau đại học các ngành đào tạo thuộc lĩnh vực do khoa quản lý khi đủ điều kiện.

- Tổ chức thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế.

- Tổ chức các hoạt động phục vụ cộng đồng.

- Tham gia thực hiện công tác đảm bảo chất lượng và xây dựng văn hóa chất lượng trong nhà trường.

- Xây dựng các điều kiện đảm bảo chất lượng giảng dạy khối kiến thức do Khoa đảm trách

#### **2. Thông tin về chương trình đào tạo**

##### **2.1. Giới thiệu ngành học và chương trình đào tạo**

- Tên chương trình đào tạo: **Đại học Luật**

- Tên ngành:
- + Tiếng Việt: **Luật**
- + Tiếng Anh: **Laws**
- Mã ngành: 7380101
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Loại hình đào tạo: Chính quy
- Thời gian đào tạo: 4 năm
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:
- + Tiếng Việt: **Cử nhân Luật**
- + Tiếng Anh: **Bachelor of Laws**
- Tham khảo đối sánh chương trình đào tạo:
- + Chương trình đào tạo đại học ngành Luật Trường Đại học Đà Lạt
- + Chương trình đào tạo đại học ngành Luật Trường Đại học Luật Hà Nội  
(*cập nhật theo chuẩn chương trình đào tạo lĩnh vực pháp luật trình độ đại học ban hành tại Quyết định số 678/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo*)

## **2.2. Mục tiêu chung của chương trình đào tạo**

Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức, có sức khỏe; có kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội; có kiến thức toàn diện từ lý thuyết đến thực tiễn hệ thống pháp luật Việt Nam; nắm vững nguyên lý, quy luật xã hội liên quan đến pháp luật; có kỹ năng thực hành nghề nghiệp vững chắc; có khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm; có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn; có các kỹ năng mềm cần thiết để phát hiện, giải quyết những vấn đề trong công việc, cuộc sống; thích nghi với môi trường làm việc và có ý thức phục vụ nhân dân.

## **3. Chuẩn đầu vào**

Thực hiện theo Quyết định số 678/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành chuẩn chương trình đào tạo lĩnh vực pháp luật trình độ đại học, cụ thể như sau:

- Đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương;
- Tổng điểm xét tuyển tối thiểu đạt 60% điểm đánh giá tối đa của thang điểm, trong đó bảo đảm đánh giá được kiến thức Toán và Ngữ văn, hoặc Toán hoặc Ngữ văn đạt tối thiểu là 60% điểm đánh giá tối đa của thang điểm.

Người dự tuyển ngành Luật trình độ đại học phải đáp ứng các điều kiện trên, trừ trường hợp những người dự tuyển đã có bằng đại học được miễn các yêu cầu này.

## **4. Cấp bằng tốt nghiệp**

Thực hiện theo Quy định đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non của Trường Đại học Tiền Giang ban hành kèm theo Quyết

định số 559/QĐ-ĐHTG ngày 20 tháng 10 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang và các quy định hiện hành.

## **PHẦN II. MỤC TIÊU CỤ THỂ VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH**

### **1. Mục tiêu cụ thể**

#### **1.1. Kiến thức**

PO01: Vận dụng kiến thức cơ bản về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, tin học, ngoại ngữ để phục vụ cho học tập, nghiên cứu, giao tiếp.

PO02: Vận dụng kiến thức cơ sở và chuyên ngành để tham gia giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực pháp lý.

#### **1.2. Kỹ năng**

PO03: Có kỹ năng giải quyết vấn đề trong lĩnh vực pháp lý một cách khoa học, mang lại hiệu quả cao.

PO04: Có kỹ năng thực hành nghề nghiệp trong lĩnh vực pháp lý.

PO05: Có kỹ năng mềm, có năng lực số để làm việc trong các môi trường làm việc khác nhau; có kỹ năng sử dụng Tiếng Anh trong giao tiếp và trong công việc chuyên môn.

#### **1.3. Mức tự chủ và trách nhiệm**

PO06: Có thái độ đúng đắn, ý thức trách nhiệm cao, tác phong làm việc khoa học, có phẩm chất cá nhân và đạo đức nghề nghiệp.

PO07: Có năng lực tự chủ, tự học suốt đời; có khả năng giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ chuyên môn; có thái độ chủ động và trách nhiệm trong việc xây dựng kế hoạch, điều phối công việc; thường xuyên tự đánh giá và sẵn sàng cải thiện hiệu quả làm việc.

PO08: Có ý thức học tập và rèn luyện để nâng cao trình độ, cập nhật kiến thức mới trong quá trình hội nhập quốc tế để đáp ứng tốt yêu cầu công việc.

#### **1.4. Vị trí nghề nghiệp**

- *Chuyên viên* làm việc tại các cơ quan nhà nước; cơ quan Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội.

- *Nhân viên bộ phận pháp chế hoặc nhân sự* tại các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế;

- *Nhân viên tư vấn pháp lý, trợ lý pháp luật* tại các đơn vị cung cấp dịch vụ pháp lý như văn phòng công chứng, văn phòng luật sư, công ty luật, văn phòng thừa phát lại.

- *Giảng dạy* và nghiên cứu các lĩnh vực chuyên sâu thuộc lĩnh vực pháp luật tại các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp.

#### **1.5. Phát triển nghề nghiệp, học tập nâng cao trình độ**

- Tiếp tục học tập nâng cao và hoàn chỉnh kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên

sâu ở trình độ thạc sĩ, tiến sĩ về các chuyên ngành thuộc lĩnh vực luật học;

- Tiếp tục học để có thể được bổ nhiệm các chức danh tư pháp;
- Đủ năng lực để nghiên cứu chuyên sâu về khoa học pháp lý cũng như thực tiễn áp dụng pháp luật.

## **2. Chuẩn đầu ra**

Người học sau khi tốt nghiệp trình độ đại học đáp ứng các quy định về chuẩn đầu ra của Khung trình độ quốc gia Việt Nam, đồng thời đáp ứng yêu cầu năng lực tối thiểu sau đây:

### **2.1. Kiến thức**

K01: Áp dụng được những kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị, chuyển đổi số vào cuộc sống cũng như nghề nghiệp.

K02: Vận dụng được kiến thức cơ sở, kiến thức cốt lõi ngành để áp dụng trong thực tế.

K03: Vận dụng được kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức hoạt động pháp luật thực tế để tham gia, tư vấn, bào chữa các tranh chấp phát sinh và giám sát các hoạt động liên quan đến pháp luật của các chủ thể.

K04: Vận dụng được kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn liên quan đến pháp luật để quản lý, điều hành các cơ quan trong bộ máy nhà nước và các tổ chức kinh tế - xã hội.

### **2.2. Kỹ năng**

S01: Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và quy định pháp luật; tư duy phản biện và lập luận pháp lý chặt chẽ, logic.

S02: Có năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam, có kỹ năng số bậc 6/8 theo Khung năng lực số cho người học được quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

S03: Có kỹ năng làm việc nhóm.

S04: Có khả năng giao tiếp và tương tác thân thiện, hiệu quả.

S05: Có kỹ năng thực hành nghề luật.

### **2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm**

A01: Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; hướng dẫn người khác thực hiện nhiệm vụ xác định trong lĩnh vực pháp lý; chủ động tham gia vào quá trình chuyển đổi số một cách có trách nhiệm.

A02: Chủ động lập kế hoạch, điều phối và tự đánh giá công việc; có trách nhiệm cải thiện hiệu quả thực hiện nhiệm vụ.

A03: Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn trong lĩnh vực pháp lý và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.

A04: Trung thành với Tổ quốc, có bản lĩnh chính trị và đạo đức nghề luật; thượng tôn pháp luật, bảo vệ công lý, quyền con người, lợi ích quốc gia; tận tâm phục vụ nhân dân, trung thực, liêm chính và cầu thị.

### 3. Ma trận đối sánh mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra												
	Kiến thức				Kỹ năng					Mức tự chủ và trách nhiệm			
	K01	K02	K03	K04	S01	S02	S03	S04	S05	A01	A02	A03	A04
PO01	x												
PO02		x	x	x									
PO03					x								
PO04									x				
PO05	x					x	x	x		x			
PO06													x
PO07										x	x		
PO08												x	

Ghi chú: Dấu (x) thể hiện chuẩn đầu ra đáp ứng mục tiêu.

## PHẦN III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

### 1. Cấu trúc chương trình đào tạo

#### 1.1. Khối lượng kiến thức toàn khóa

- Tổng số tín chỉ (TC) của chương trình: **159**

- Tổng số TC phải tích lũy tối thiểu : **127**

(Không tính các học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và an ninh và các học phần điều kiện General English 1, General English 2).

#### 1.2. Cấu trúc chương trình

ST T	Khối kiến thức	Số tín chỉ tích lũy tối thiểu			Tỷ lệ (%)
		Bắt buộc	Tự chọn	Toàn bộ	
1	Kiến thức giáo dục đại cương	32	2	34	26,8
2	Kiến thức cơ sở ngành	16	2	18	14,2
3	Kiến thức cốt lõi ngành	56	6	62	48,8
4	Chuyên đề cuối khóa/ khóa luận cuối khóa		6	6	4,7
5	Thực tập, trải nghiệm	7		7	5,5
<b>Tổng cộng</b>		<b>111</b>	<b>16</b>	<b>127</b>	<b>100%</b>

## 2. Khung chương trình đào tạo

MHP	Tên học phần	Số tiết (giờ)					Số TC		HPTQ/ HPHT+ (MHP)
		LT	TL	TH	TT	ĐA	TS	TLTT	
<b>1. Khối kiến thức giáo dục đại cương</b>									
<b>1.1. Lý luận Mác Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh</b>						<b>11</b>	<b>11</b>		
00033	Triết học Mác-Lênin	45					3	3	
01202	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	30					2	2	00033+
02112	Chủ nghĩa xã hội khoa học	30					2	2	01202+
03212	Tư tưởng Hồ Chí Minh	30					2	2	02112+
03022	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	30					2	2	03212+
<b>1.2. Khoa học xã hội - Nhân văn - Nghệ thuật</b>						<b>10</b>	<b>6</b>		
00202	Logic học	30					2	2	00033+
73552	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực xã hội	28	4				2	2	
<b>Chọn tự do 1 (tích lũy tối thiểu 2 TC)</b>									
05022	Cơ sở văn hóa Việt Nam A	30					2	2	
05462	Tiếng Việt thực hành A	15	30				2		
15062	Tâm lý học đại cương	15	30				2		
<b>1.3. Ngoại ngữ</b>									
<b>1.3.1. Học phần điều kiện (*)</b>						<b>6</b>	<b>6*</b>		
08004	General English 1	60					4	4*	
08012	General English 2	30					2	2*	08004
<b>1.3.2. Học phần tích lũy</b>						<b>12</b>	<b>12</b>		
08024	English1	60					4	4	08012
08034	English2	60					4	4	08024+
08044	English 3	60					4	4	08034+
<b>1.4. Toán - Tin học - Khoa học tự nhiên - Môi trường</b>						<b>5</b>	<b>5</b>		
11902	Con người và môi trường	30					2	2	
30093	Kỹ năng số	15		60			3	3	
<b>1.5. Giáo dục thể chất - Giáo dục quốc phòng và an ninh (*)</b>									
<b>1.5.1. Giáo dục thể chất</b>						<b>9</b>	<b>3*</b>		
12371	Thể dục và điền kinh			30			1	1*	
<b>Chọn tự do 2 (tích lũy tối thiểu 1 TC)</b>									
12391	Bóng chuyền 1			30			1	1*	
12401	Cầu lông 1			30			1		
12271	Đá cầu 1			30			1		
12411	Bóng rổ 1			30			1		
<b>Chọn tự do 3 (tích lũy tối thiểu 1 TC)</b>									
12441	Bóng chuyền 2			30			1	1*	
12481	Cầu lông 2			30			1		
12281	Đá cầu 2			30			1		
12461	Bóng rổ 2			30			1		

MHP	Tên học phần	Số tiết (giờ)					Số TC		HPTQ/ HPHT <sup>+</sup> (MHP)
		LT	TL	TH	TT	ĐA	TS	TLTT	
<b>1.5.2. Giáo dục quốc phòng và an ninh</b>						<b>8</b>	<b>8*</b>		
12813	Giáo dục quốc phòng I	45					3	3*	
12922	Giáo dục quốc phòng II	30					2	2*	
12931	Giáo dục quốc phòng III			30			1	1*	
12942	Giáo dục quốc phòng IV			60			2	2*	
<b>Tổng cộng khối kiến thức giáo dục đại cương</b>						<b>38</b>	<b>34</b>		
<b>2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>									
<b>2.1. Cơ sở ngành</b>						<b>22</b>	<b>18</b>		
71124	Lý luận Nhà nước và pháp luật	55	10				4	4	
71202	Lịch sử nhà nước, pháp luật và các học thuyết chính trị pháp lý	27	6				2	2	
71382	Nghề luật và đạo đức nghề luật	27	6				2	2	
71262	Lập luận pháp lý và kỹ năng viết trong nghề luật	27	6				2	2	
71294	Luật Hiến pháp Việt Nam	55	10				4	4	71124+
71792	Luật quốc tế về quyền con người	27	6				2	2	
<b>Chọn tự do 4 (tích lũy tối thiểu 2 TC)</b>									
71772	Luật Hiến pháp nước ngoài	27	6				2	2	
71322	Luật học so sánh	27	6				2		
71732	Pháp luật về thương mại điện tử	27	6				2		
<b>2.2. Cốt lõi ngành</b>						<b>80</b>	<b>62</b>		
71733	Luật Hành chính	40	10				3	3	71124+
71572	Luật Tổ tụng hành chính	15		30			2	2	71733+
71483	Luật Dân sự 1	40	10				3	3	71124+
71492	Luật Dân sự 2	28	4				2	2	71483+
71742	Luật Sở hữu trí tuệ	27	6				2	2	
71583	Luật Tổ tụng dân sự	30		30			3	3	71492+
71503	Luật Hình sự 1	40	10				3	3	71124+
71512	Luật Hình sự 2	28	4				2	2	71503+
71603	Luật Tổ tụng hình sự	30		30			3	3	71513+
71533	Luật Thương mại 1	40	10				3	3	71124+
71542	Luật Thương mại 2	28	4				2	2	71533+
71642	Luật Hôn nhân và Gia đình	25	10				2	2	
71193	Luật Lao động	40	10				3	3	
71263	Luật Đất đai	40	10				3	3	71492+
71272	Luật Môi trường	28	4				2	2	

MHP	Tên học phần	Số tiết (giờ)					Số TC		HPTQ/ HPHT <sup>+</sup> (MHP)
		LT	TL	TH	TT	ĐA	TS	TLTT	
71693	Thanh tra, khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng	40	10				3	3	71733+
71653	Công pháp quốc tế	40	10				3	3	
71662	Tư pháp quốc tế	25	10				2	2	
71672	Luật Thương mại quốc tế	27	6				2	2	
71502	Pháp luật cộng đồng ASEAN	27	6				2	2	
71022	Kỹ thuật xây dựng văn bản	15		30			2	2	
71622	Luật Tài chính	27	6				2	2	
71522	Tội phạm học	27	6				2	2	
<b>Chọn tự do 5 (tích lũy tối thiểu 2 TC)</b>									
71632	Luật Ngân hàng	27	6				2	2	
67422	Khởi nghiệp kinh doanh	28	4				2		
71802	Pháp luật kinh doanh bảo hiểm	27	6				2		71533+
71832	Luật Nhà ở và kinh doanh bất động sản	25	10				2		
<b>Chọn tự do 6 (tích lũy tối thiểu 2 TC)</b>									
71342	Công tác hộ tịch	25	10				2	2	
71432	Công tác thi hành án dân sự	25	10				2		71492+
71462	Công chứng, chứng thực	25	10				2		
71712	Công tác hòa giải - tuyên truyền pháp luật	25	10				2		
<b>Chọn tự do 7 (tích lũy tối thiểu 2 TC)</b>									
71452	Kỹ năng soạn thảo hợp đồng	25	10				2	2	71492+
71752	Pháp chế doanh nghiệp	25	10				2		71533+
71762	Kỹ năng giải quyết các vụ án dân sự	25	10				2		71492+
71782	Giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế	25	10				2		71533+
<b>2.3. Thực tập, trải nghiệm; Chuyên đề cuối khóa/Khóa luận</b>							<b>19</b>	<b>13</b>	
<b>2.3.1. Thực tập, trải nghiệm</b>							<b>7</b>	<b>7</b>	
71855	Thực tập				225		5	5	
71842	Trải nghiệm				90		2	2	
<b>2.3.2. Chuyên đề cuối khóa/Khóa luận</b>							<b>12</b>	<b>6</b>	
<b>Chọn định hướng (Chọn 1 trong 2 nhóm)</b>									
<b>Nhóm 1 (tích lũy tối thiểu 6 TC)</b>									
71844	Chuyên đề cuối khóa				180		4	6	

MHP	Tên học phần	Số tiết (giờ)					Số TC		HPTQ/ HPHT+ (MHP)
		LT	TL	TH	TT	ĐA	TS	TLTT	
71422	Nghề luật sư và hoạt động tư vấn pháp luật	25	10				2		
<b>Nhóm 2 (tích lũy tối thiểu 6 TC)</b>									
71856	Khóa luận cuối khóa					360	6	6	
<b>Tổng cộng khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>							<b>121</b>	<b>93</b>	
<b>Số tín chỉ tổng cộng: 159 TC, số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 127 TC</b>									

### **Các ký hiệu và viết tắt:**

(\*) Học phần điều kiện:

- Đối với các học phần điều kiện *General English 1, General English 2*: người học phải học và đạt để đủ điều kiện tham gia học các học phần của chương trình môn học tiếng Anh không chuyên có trong chương trình đào tạo, điểm của các học phần điều kiện này không tính vào điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy.

- Đối với các học phần điều kiện thuộc khối kiến thức *Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và an ninh*: người học phải học và đạt để đủ điều kiện xét tốt nghiệp, điểm của các học phần điều kiện này không tính vào điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy.

(\*\*) Khi cần, mã học phần thêm ký hiệu C ở cao đẳng, D ở đại học trong hệ thống tích hợp thông tin TGUIIS đối với học phần *General English 2*, phục vụ tổ chức giảng dạy ở 2 trình độ khác nhau.

- MHP (Mã học phần): Theo Quyết định số 472/QĐ-ĐHTG ngày 02 tháng 8 năm 2007 của Trường Đại học Tiền Giang ban hành về việc Quy định danh mục mã học phần đang giảng dạy ở Trường Đại học Tiền Giang.

- LT (Lý thuyết): Nghe giảng lý thuyết; nghe giảng phương pháp thực hành, nghe hướng dẫn thực hành, viết tiểu luận, viết khóa luận, làm đồ án ở lớp học (phòng học lý thuyết). Nghe thuyết trình, thảo luận chuyên đề (thay cho nghe GV giảng lý thuyết); tính theo tiết.

- TL (Thảo luận): Thảo luận (sau khi nghe giảng lý thuyết), giải bài tập, thực hành được tổ chức cùng loại hình lý thuyết ở lớp học lý thuyết, có GV hướng dẫn; tính theo tiết.

- TH (Thực hành): Người học thao tác thực hành ở lớp, phòng thực hành, sân bãi; thực hành ở phòng máy, phòng thí nghiệm, xưởng trường, cơ sở thực hành, sân bãi, tập giảng ở lớp có GV hướng dẫn; tính theo tiết.

- TT (Thực tập): Tự thực hành, thí nghiệm (không có GV hướng dẫn); kiến tập, thực tập ở cơ sở bên ngoài hay xưởng trong trường; tính theo giờ.

- ĐA (Đồ án): Thực hiện đồ án, tiểu luận, khóa luận, nghiên cứu tài liệu có viết báo cáo, tính theo giờ. Bao gồm cả tự học, tự nghiên cứu có hướng dẫn.

- *TS (Tổng số): Số tín chỉ của học phần, của chương trình.*
- *TLTT (Tích lũy tối thiểu): Số tín chỉ người học phải tích lũy đủ trong nhóm học phần của từng khối kiến thức, của chương trình.*
- *HPTQ (Học phần tiên quyết), ký hiệu (MHP)*
- *HPHT (Học phần học trước), ký hiệu (MHP)<sup>+</sup>.*

### **3. Mô tả học phần:**

#### **3.1. Triết học Mác-Lênin (00033)**

- Số tín chỉ: 3 TC (45, 0, 0, 0, 0)
- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Triết học Mác-Lênin, người học có khả năng giải thích, khái quát hóa được những kiến thức cơ bản của môn khoa học này: chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử; giải thích và minh họa được vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội. Thực hiện được một số thao tác cụ thể như: phản biện, xác định và khái quát hóa vấn đề; tái hiện được những thông tin đã tiếp nhận và xử lý được các tình huống trong thuyết trình và giao tiếp đạt hiệu quả. Nhận biết được sự cần thiết thực hiện công việc một cách độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong những điều kiện thay đổi nhằm tối ưu hóa kết quả hoạt động.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Triết học Mác - Lênin (dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)*, NXB. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.

[2] Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia, *Giáo trình Triết học Mác - Lênin (Tái bản có sửa chữa, bổ sung)*, NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010.

[3] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021.

#### **3.2. Kinh tế chính trị Mác - Lê nin (01202)**

- Số tín chỉ: 2 TC (30, 0, 0, 0, 0)
- Học phần học trước: Triết học Mác-Lênin
- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Kinh tế chính trị Mác-Lênin, người học giải thích và phân tích được những kiến thức cơ bản, cốt lõi về kinh tế chính trị Mác - Lênin; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Từ đó, người học hình thành tư duy phản biện, khả năng tiếp cận, chọn lọc và xử lý thông tin và tích cực tham gia các hoạt động kinh tế - văn hóa - xã hội góp phần xây dựng và phát triển đất nước.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin (dành cho bậc đại học hệ không chuyên ngành lý luận chính trị)*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.

[2] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021.

[3] Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2006.

### **3.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học (02112)**

- Số tín chỉ: 2 TC (30, 0, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Kinh tế chính trị Mác-Lênin

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học, người học có thể trình bày, giải thích và lý giải được những kiến thức cơ bản, cốt lõi về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; những vấn đề chính trị - xã hội trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Qua đó, hình thành ở người học kỹ năng xác định, thực hiện và giải quyết được những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống; củng cố niềm tin về chủ nghĩa xã hội và sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta; xác định được trách nhiệm của bản thân trong việc góp phần bảo vệ, xây dựng đất nước hiện nay.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học (dành cho bậc đại học hệ không chuyên ngành Lý luận chính trị)*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.

[2] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021.

[3] Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, *Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2006.

### **3.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh (03212)**

- Số tín chỉ: 2 TC (30, 0, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Chủ nghĩa xã hội khoa học

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh, người học giải thích và phân tích được những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh, nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường cách mạng Việt Nam; có khả năng tư duy, đánh giá vấn đề và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn đời sống, học tập, công tác và rèn luyện bản thân; hình thành

niềm tin khoa học vào mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội mà Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã xác định.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.

[2] Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, *Hồ Chí Minh tiểu sử*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010.

[3] Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, (Bộ 15 tập), Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011.

[4] Song Thành, *Hồ Chí Minh nhà tư tưởng lỗi lạc*, Nxb. Lý luận chính trị, 2005.

### **3.5. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (03022)**

- Số tín chỉ: 2 TC (30, 0, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Tư tưởng Hồ Chí Minh

- Mô tả: Sau khi hoàn thành học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, người học có khả năng trình bày, giải thích, khái quát hoá và tóm tắt được kiến thức của môn học; có khả năng vận dụng kiến thức để nhận định, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước cũng như đường lối, chính sách của Đảng trong giai đoạn hiện nay; giữ vững lập trường tư tưởng, bản lĩnh chính trị, trung thành với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên ngành lý luận chính trị)*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.

[2] Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn khoa học Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, *Giáo trình lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2018.

[3] Đảng Cộng sản Việt Nam (1995 - 2018), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 1 đến tập 65, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

### **3.6. Logic học (00202)**

- Số tín chỉ: 2 TC (30, 0, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Triết học Mác-Lênin

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Logic học, người học có khả năng trình bày, giải thích, tóm tắt được các kiến thức cơ bản của môn Logic học hình thức, có căn cứ khoa học để quá trình tư duy được chính xác.

- Tài liệu tham khảo chính:

+ *Tập bài giảng Logic học* do giảng viên cung cấp, 2020.

+ *Giáo trình logic học*, NXB Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội, 2021.

### **3.7. Phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực xã hội (73552)**

- Số tín chỉ: 2 TC (30, 0, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực xã hội, người học biết được các vấn đề cơ bản về nghiên cứu khoa học; về quá trình thực hiện một đề tài khoa học; các phương pháp nghiên cứu khoa học; cách nhận xét, đánh giá và phản biện một đề tài khoa học; thực hành đề tài nghiên cứu khoa học gắn với chuyên ngành đào tạo.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Trần Văn Thường (2023), *Tài liệu giảng dạy Phương pháp nghiên cứu khoa học*, Trường ĐH Tiền Giang.

- Sách tham khảo:

[2] Nguyễn Đức Vũ (2019), *Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học*, NXB Đại học Huế.

### **3.8. Cơ sở văn hóa Việt Nam A (05022)**

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Cơ sở văn hóa Việt Nam A, người học biết được các nội dung cơ bản về văn hóa học và văn hóa Việt Nam; văn hóa nhận thức; văn hóa tổ chức đời sống tập thể; văn hóa tổ chức đời sống cá nhân; văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên; văn hóa ứng xử với môi trường xã hội.

- Tài liệu tham khảo chính:

Đặng Đức Siêu (2020), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, NXB. Đại học Sư phạm.

### **3.9. Tiếng Việt thực hành A (05462)**

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Tiếng Việt thực hành A, người học trình bày được một số khái niệm cơ bản về thực hành văn bản tiếng Việt, từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp tiếng Việt; các kiểu văn bản, phong cách văn bản, các kiểu lập luận và câu cú; những nội dung cần lưu ý trong tiếng Việt thực hành, sử dụng tiếng mẹ đẻ.

- Tài liệu tham khảo chính:

Bùi Minh Toán, Lê A (2020), *Giáo trình Tiếng Việt thực hành*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

### **3.10. Tâm lý học đại cương (15062)**

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Tâm lý học đại cương, người học trình bày được những vấn đề cơ bản về khoa học tâm lý: đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu tâm lý. Phân tích sự phát triển tâm lý con người thông qua hoạt

động, giao tiếp. Phân tích sự phát triển các quá trình nhận thức như cảm giác, tri giác, tư duy, tưởng tượng và trí nhớ. Giải thích được tình cảm và các quy luật tình cảm của con người. Định hướng người học tìm hiểu khái niệm nhân cách, cấu trúc nhân cách, lập kế hoạch phát triển nhân cách.

- Tài liệu tham khảo chính:

+ Tài liệu giảng dạy:

[1] Nguyễn Thị Tú (chủ biên) (2019), *Tâm lý học đại cương*, NXB Đại học sư phạm TP. Hồ Chí Minh

[2] Huỳnh Văn Sơn (chủ biên) (2022), *Tâm lý học đại cương*, NXB Đại học sư phạm TP. Hồ Chí Minh

+ Tài liệu tham khảo:

[3] Trường Đại học Luật Hà Nội (2020), *Tâm lý học đại cương*, NXB Công an nhân dân.

[4] Nguyễn Quan Uẩn, Trần Trọng Thủy (2004), *Tâm lý học đại cương*, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.

[5] Nguyễn Ngọc Bích (2004), *Tâm lý học nhân cách*, NXB Giáo dục.

[6] Robert J. Sternberg (1999), *Cognitive psychology* (second edition, Harcourt Brace).

### **3.11. General English 1 (08004)**

- Số tín chỉ: 4 TC (60, 0, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Học phần General English 1 là học phần điều kiện;

Sau khi hoàn thành học phần General English 1, người học hiểu được kiến thức về giới từ chỉ sự chuyển động và vị trí, danh từ ghép và tính từ miêu tả, kiến thức về cách dùng “some, any, much, many, a lot of, a little, a few”, mạo từ “a, an, the”, cách sử dụng so sánh hơn, so sánh nhất, và so sánh bằng, cách dùng “too, enough” và thì hiện tại hoàn thành. Ngoài ra, sinh viên còn được rèn luyện phát triển kỹ năng nghe, nói và đọc tiếng Anh qua chủ đề liên quan đến miêu tả cảnh quan ở thành thị và nông thôn, các loại phim ảnh và chương trình Ti Vi và mua sắm, và phát triển kỹ năng viết một blog miêu tả về kỳ nghỉ, viết lời phê bình về một bộ phim và viết một lá thư trang trọng.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Tim Falla, Paula Davies. (2012). *Solutions Pre-Intermediate Student’s Book*. 2<sup>nd</sup> Edition. Oxford University Press.

[2] Tim Falla, Paula Davies. (2012). *Solutions Pre-Intermediate Workbook*. 2<sup>nd</sup> Edition. Oxford University Press.

### **3.12. General English 2 (08012)**

- Số tín chỉ: 2 TC (30, 0, 0, 0, 0)

- Học phần tiên quyết: General English 1 (08004)

- Mô tả:

Học phần General English 2 là học phần điều kiện (Hệ thống TGUIIS có bổ sung ký hiệu D (08012D)).

Sau khi hoàn thành học phần General English 2, người học hiểu được các kiến thức về chủ đề công nghệ và văn hoá vòng quanh thế giới bằng từ vựng được cung cấp trong hệ thống bài học, kiến thức về cấu trúc ngữ pháp liên quan diễn đạt sự phỏng đoán, lời hứa, đề nghị, hoặc quyết định, cách dùng của động từ khiếm khuyết. Ngoài ra, sinh viên còn được rèn luyện phát triển kỹ năng nghe, nói và đọc tiếng Anh qua các chủ đề liên quan các thiết bị kỹ thuật và đọc hiểu bài báo về lĩnh vực văn hoá truyền thống quốc tế, và phát triển kỹ năng viết một tin nhắn hướng dẫn thao tác một thiết bị công nghệ hoặc trả lời thư mời.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Tim Falla, Paula Davies. (2012). *Solutions Pre-Intermediate Student's Book*. 2<sup>nd</sup> Edition. Oxford University Press.

[2] Tim Falla, Paula Davies. (2012). *Solutions Pre-Intermediate Workbook*. 2<sup>nd</sup> Edition. Oxford University Press.

### **3.13. English 1 (08024)**

- Số tín chỉ: 4 TC (60, 0, 0, 0, 0)

- Học phần tiên quyết: General English 2

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần English 1, người học có kiến thức về từ vựng liên quan đến chủ đề về tính từ miêu tả đặc tính cá nhân, đồ dùng học tập, thức ăn, động lực; biết cách dùng thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, thì tương lai đơn, trạng từ chỉ thói quen và các đại từ không xác định. Từ đó, sinh viên vận dụng vào làm các bài tập có liên quan để nắm rõ cách dùng. Ngoài ra, sinh viên còn được rèn luyện phát triển các kỹ năng nghe, nói và phân tích các bài đọc hiểu tiếng Anh thông qua các chủ đề liên quan đến miêu tả tính cách, kỷ niệm, bài báo nói về nguồn gốc thức ăn, những người leo núi, nghe một nhà thám hiểm nói về kỷ niệm ở trường học và miêu tả tính cách, bài phỏng vấn chủ nhà hàng, bài nói về động lực và đồng thời rèn luyện kỹ năng viết miêu tả thông tin cá nhân, kể một câu chuyện, miêu tả công thức nấu ăn, viết trên diễn đàn trực tuyến.

- Tài liệu tham khảo chính:

VOICES - A2-B1 - By Emily Bryson & Christien Lee - (National Geographic Learning - 2022)

### **3.14. English 2 (08034)**

- Số tín chỉ: 4 TC (60, 0, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: English 1

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần English 2, người học có kiến thức về từ vựng liên quan đến tính từ miêu tả, từ vựng về du lịch, môi trường, nghề nghiệp; hiểu cách dùng câu điều kiện, so sánh hơn, so sánh nhất, mệnh đề quan hệ, thì hiện tại hoàn thành, các động từ theo sau bởi động từ nguyên mẫu hoặc động từ tận cùng thêm -ing, cách dùng “used to” để diễn tả việc đã từng làm trong quá khứ. Từ đó, sinh viên vận dụng vào làm các bài tập có liên quan để nắm rõ cách dùng. Ngoài ra, sinh viên còn được rèn luyện phát triển các kỹ năng nghe và phân tích bài đọc hiểu tiếng Anh thông qua các chủ đề liên quan đến bản tin trên Tivi, phương tiện đi làm, các phát minh quan trọng, công việc; nghe các nhà thám hiểm nói về một số nơi đáng nhớ và nói về công việc của họ, một chuyên gia nói về cuộc hành trình của loài chim, một đoạn hội thoại về môi trường. Sinh viên cũng được rèn luyện kỹ năng viết một thông điệp, một email, một bản tin, một hồ sơ xin việc làm.

- Tài liệu tham khảo chính:

VOICES - A2-B1 - By Emily Bryson & Christien Lee - (National Geographic Learning - 2022)

### **3.15. English 3 (08044)**

- Số tín chỉ: 4 TC (60, 0, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: English 2

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần English 3, người học có kiến thức về từ vựng có liên quan đến chủ đề về sức khỏe, căn bệnh, phim và TV, tính từ miêu tả cảm xúc, kỹ thuật; cách dùng câu điều kiện loại hai, phải “must, have to”, nên “should”, hiện tại hoàn thành, câu tường thuật, câu bị động, động từ khiếm khuyết. Từ đó, sinh viên vận dụng vào làm các bài tập có liên quan để nắm rõ cách dùng. Ngoài ra, sinh viên còn được rèn luyện phát triển các kỹ năng nghe và phân tích bài đọc hiểu tiếng Anh thông qua các chủ đề liên quan đến cuộc sống mà không có sự đau đớn, hai câu chuyện kể dân gian, các loại phương tiện truyền thông xã hội và thử thách, nghệ thuật và công nghệ; nghe một nhà thám hiểm nói về sức khỏe, những việc anh ta làm để giải trí, làm việc trong điều kiện khắc nghiệt, công nghệ; nói về cách diễn tả lời từ chối, lời yêu cầu. Sinh viên cũng được rèn luyện kỹ năng viết nhật ký, bài bình luận, bài báo cáo.

- Tài liệu tham khảo chính:

VOICES - A2-B1 - By Emily Bryson & Christien Lee - (National Geographic Learning - 2022)

### **3.16. Con người và môi trường (11902)**

- Số tín chỉ: 2 TC (30, 0, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Con người và môi trường, người học biết được các kiến thức cơ bản các vấn đề về môi trường đương đại toàn cầu, những nguyên

lý cơ bản của sinh thái học ứng dụng trong khoa học môi trường; Xác định được nguyên nhân và hậu quả của: sự phát triển dân số, hoạt động khai thác tài nguyên thiên nhiên của con người, sự ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu toàn cầu; Mối tương quan giữa tác động của con người đối với những vấn đề môi trường hiện nay; Cần có sự thay đổi về khoa học và công nghệ để ứng phó với tình hình biến đổi khí hậu và nước biển dâng trong tương lai; Phân tích được nguyên nhân gây ra ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, suy thoái môi trường, hiệu ứng nhà kính, suy giảm tầng ôzôn, mưa axit; các vấn đề môi trường ở Việt Nam và trên thế giới hiện nay; Tích hợp giữa kiến thức cơ bản về môi trường với thực tế và tư duy; Có kỹ năng thành lập nhóm và thuyết trình.

- Tài liệu tham khảo chính:

Khoa Nông nghiệp và Công nghệ thực phẩm, Trường Đại học Tiền Giang, *Tập bài giảng Con người và môi trường*, năm 2022.

### **3.17. Kỹ năng số (30093)**

- Số tín chỉ: 3 (15, 0, 60, 0, 0),

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Kỹ năng số, người học có được kiến thức và kỹ năng để phát triển năng lực số đáp ứng Khung năng lực số cho người học được ban hành tại Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nội dung chính của học phần Kỹ năng số bao gồm: 1) Khai thác dữ liệu và thông tin: trình bày và sử dụng thành thạo các công cụ số để tìm kiếm, xử lý và quản lý thông tin; 2) Giao tiếp và hợp tác hiệu quả trong môi trường số: giao tiếp và hợp tác hiệu quả qua công nghệ số, tôn trọng sự khác biệt văn hóa và thế hệ, tích cực tham gia các dịch vụ công và xã hội số, đồng thời đảm bảo thông tin cá nhân an toàn, hành vi số phù hợp và xây dựng hình ảnh cá nhân tích cực trên môi trường mạng; 3) Sáng tạo nội dung số cơ bản: tạo và chỉnh sửa nội dung số, kết hợp thông tin mới vào tri thức sẵn có, trình bày được bản quyền số và biết cách đưa ra các hướng dẫn có thể hiểu được cho hệ thống máy tính; 4) An toàn: thực hiện các biện pháp bảo vệ thiết bị, dữ liệu và quyền riêng tư cá nhân, có nhận thức về an ninh mạng; 5) Giải quyết vấn đề trong môi trường số: nhận diện và giải quyết vấn đề trong môi trường số, sử dụng được các công cụ kỹ thuật số để đổi mới quy trình và sản phẩm, đồng thời cập nhật sự phát triển của công nghệ số; 6) Ứng dụng trí tuệ nhân tạo: mô tả các kiến thức cơ bản về AI, khả năng nhận diện và sử dụng, đánh giá các công cụ trí tuệ nhân tạo trong học tập, làm việc và đời sống số một cách hiệu quả và có đạo đức. Học phần kỹ năng số giúp người học có đủ kiến thức, kỹ năng số đáp ứng các nhu cầu chung cho việc học tập, nghiên cứu, bước đầu chuẩn bị tham gia lực lượng lao động.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Bài giảng Kỹ năng số, *Nhóm biên soạn Kỹ năng số thuộc khoa Kỹ thuật Công nghệ*, Trường Đại học Tiền Giang, 2025.

[2] Đỗ Văn Hùng, *Năng lực số*, Nhà xuất bản Đại học Quốc Gia Hà Nội, 2022.

[3] Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định Khung năng lực số cho người học.

[4] Quyết định 1504/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình phổ cập kiến thức, kỹ năng số cho người học trong các cơ sở giáo dục đại học.

### **3.18. Thể dục và Điền kinh (12371)**

- Số tín chỉ: 1 TC (0, 0, 30, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Thể dục Điền kinh, người học hiểu biết khái quát về sự ra đời và phát triển môn Thể dục và Điền kinh; Ý nghĩa tác dụng của môn Thể dục và Điền kinh đối với người tập; 09 động tác của bài tập thể dục tay không; Các kỹ thuật nhảy dây ngắn; Nhảy cao kiểu úp bụng: Chạy đà - Giậm nhảy - Trên không qua xà - Tiếp nệm. Ngoài ra người học còn được rèn luyện các bài tập bổ trợ và phát triển thể lực.

- Tài liệu tham khảo chính:

Nguyễn Anh Tuấn (2018), *Giáo trình Điền kinh*, NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội.

### **3.19. Bóng chuyền 1 (12391)**

- Số tín chỉ: 1 TC (0, 0, 30, 0, 0)

- Học phần học trước: Thể dục và Điền kinh

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Bóng chuyền 1, người học hiểu biết khái quát về sự ra đời và phát triển môn bóng chuyền; ý nghĩa tác dụng bóng chuyền đối với người tập; những kỹ thuật cơ bản của môn bóng chuyền (đệm bóng, chuyền bóng, phát bóng), người học được rèn luyện các kiến thức cơ bản về luật bóng chuyền.

- Tài liệu tham khảo chính:

Nguyễn Việt Hòa (2019), *Giáo trình Bóng chuyền*, NXB Thể dục thể thao.

### **3.20. Cầu lông 1 (12401)**

- Số tín chỉ: 1 TC (0, 0, 30, 0, 0)

- Học phần học trước: Thể dục và Điền kinh

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Cầu lông 1, người học hiểu biết khái quát về sự ra đời và phát triển học phần Cầu lông 1, người học hiểu biết khái quát về sự ra đời và phát triển môn cầu lông; ý nghĩa tác dụng cầu lông đối với người tập; những kỹ thuật cầu lông cơ bản; người học được rèn luyện các kiến thức cơ bản về luật cầu lông.

- Tài liệu tham khảo chính:

Nguyễn Văn Đức (2015), *Giáo trình Cầu lông* - NXB. Thể dục thể thao.

### **3.21. Đá cầu 1 (12271)**

- Số tín chỉ: 1 TC (0, 0, 30, 0, 0)

- Học phần học trước: Thể dục và Điền Kinh

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Đá cầu 1, người học hiểu biết khái quát về sự ra đời và phát triển học phần Đá cầu 1, người học hiểu biết khái quát về sự ra đời và phát triển môn đá cầu; ý nghĩa tác dụng của môn đá cầu đối với người tập; kỹ thuật phát cầu; kỹ thuật dâng cầu; kỹ thuật đỡ cầu; người học được rèn luyện kỹ thuật chuyên cầu.

- Tài liệu tham khảo chính:

Đào Thị Hoa Huỳnh (2021), *Giáo trình Đá cầu*, NXB Đại học Thái Nguyên.

### **3.22. Bóng rổ 1 (12411)**

- Số tín chỉ: 1 TC (0, 0, 30, 0, 0)

- Học phần học trước: Thể dục và Điền kinh

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Bóng rổ 1, người học hiểu biết khái quát về sự ra đời và phát triển môn bóng rổ 1; ý nghĩa tác dụng bóng rổ đối với người tập; những kỹ thuật bóng rổ 1 cơ bản; người học được rèn luyện các kiến thức cơ bản về luật bóng rổ 1.

- Tài liệu tham khảo chính:

Nguyễn Văn Đức (2016), *Giáo trình Bóng rổ*, NXB Thể dục thể thao Hà Nội.

### **3.23. Bóng chuyền 2 (12441)**

- Số tín chỉ: 1 TC (0, 0, 30, 0, 0)

- Học phần học trước: Bóng chuyền 1

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Bóng chuyền 2, người học hiểu một số kiến thức cơ bản như: nắm vững luật bóng chuyền, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài; củng cố các kỹ năng cơ bản; chuyền bóng cao tay, chuyền bóng thấp tay bằng hai tay, phát bóng, đập bóng, phối hợp nhóm. Từ đó rèn luyện cho người học có thể sử dụng môn bóng chuyền làm phương tiện tập luyện nhằm nâng cao sức khỏe lâu dài.

- Tài liệu tham khảo chính:

Nguyễn Việt Hòa (2019), *Giáo trình Bóng chuyền*, NXB Thể dục thể thao

### **3.24. Cầu lông 2 (12481)**

- Số tín chỉ: 1 TC (0, 0, 30, 0, 0)

- Học phần học trước: Cầu lông 1

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Cầu lông 2, người học hiểu biết khái quát về các nguyên lý kỹ thuật trong cầu lông; một số chiến thuật cơ bản; những kỹ thuật cầu lông cơ bản và nâng cao; các bài tập phát triển thể lực chuyên môn; người học được rèn luyện các kiến thức cơ bản về luật, trọng tài và phương pháp thi đấu.

Nguyễn Văn Đức (2015), *Giáo trình Cầu lông*, NXB Thể dục thể thao.

### **3.25. Đá cầu 2 (12281)**

- Số tín chỉ: 1 TC (0, 0, 30, 0, 0)
- Học phần học trước: Đá cầu 1
- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Đá cầu 2, người học hiểu biết khái quát về các nguyên lý kỹ thuật trong đá cầu; một số chiến thuật cơ bản; những kỹ thuật đá cầu cơ bản và nâng cao; các bài tập phát triển thể lực chuyên môn; người học rèn luyện được các kiến thức cơ bản về luật, trọng tài và phương pháp tổ chức thi đấu.

- Tài liệu tham khảo chính:

Đào Thị Hoa Huỳnh (2021), *Giáo trình Đá cầu*, NXB Đại học Thái Nguyên.

### **3.26. Bóng rổ 2 (12461)**

- Số tín chỉ: 1 TC (0, 0, 30, 0, 0)
- Học phần học trước: Bóng rổ 1
- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Bóng rổ 2, người học hiểu biết khái niệm môn bóng rổ 2; ý nghĩa tác dụng đối với người tập và luyện tập thi đấu nâng cao; những kỹ thuật bóng rổ 2 cơ bản và nâng cao; người học rèn luyện các kiến thức cơ bản áp dụng về luật bóng rổ vào thi đấu.

- Tài liệu tham khảo chính:

Nguyễn Văn Đức (2016), *Giáo trình Bóng rổ*, NXB Thể dục thể thao Hà Nội.

### **3.27. Chương trình Giáo dục quốc phòng và an ninh (165 tiết)**

#### **a) Giáo dục quốc phòng I (12813)**

- Số tín chỉ: 3 TC (45, 0, 0, 0, 0)
- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Giáo dục quốc phòng I, người học được trang bị kiến thức cơ bản về đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam; thực hiện tốt đường lối, chính sách Đảng, pháp luật của Nhà nước về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

- Tài liệu tham khảo chính:

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), *Giáo trình Giáo dục Quốc phòng và An ninh (Dùng cho người học các trường cao đẳng, đại học)*, tập 1, NXB Giáo dục Việt Nam.

#### **b) Giáo dục quốc phòng II (12922)**

- Số tín chỉ: 3 TC (30, 0, 0, 0, 0)
- Điều kiện tiên quyết:
- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Giáo dục quốc phòng II, người học được trang bị những kiến thức cơ bản về công tác quốc phòng và an ninh của Đảng và Nhà

nước ta hiện nay như Phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; phòng chống các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; phòng chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; phòng chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông; phòng chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác; vấn đề an toàn thông tin và phòng chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng; an ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam.

- Tài liệu tham khảo chính:

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), *Giáo trình Giáo dục Quốc phòng và An ninh (Dùng cho người học các trường cao đẳng, đại học)*, tập 1, NXB Giáo dục Việt Nam.

### **c) Giáo dục quốc phòng III (12931)**

- Số tín chỉ: 3 TC (0, 0, 30, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Giáo dục quốc phòng III, người học thực hiện được chế độ sinh hoạt, học tập công tác ngày, tuần; thực hiện các chế độ nề nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại trong quân đội; thực hiện được Điều lệnh đội ngũ từng người có súng; Đội ngũ đơn vị và sử dụng bản đồ địa hình quân sự; Phòng chống địch tiến công bằng vũ khí công nghệ cao; Ba môn quân sự phối hợp; Hiểu biết chung về các Quân, Binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam.

- Tài liệu tham khảo chính:

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), *Giáo trình Giáo dục Quốc phòng và An ninh (Dùng cho người học các trường cao đẳng, đại học)*, tập 2, NXB. Giáo dục Việt Nam.

### **d) Giáo dục quốc phòng IV (12942)**

- Số tín chỉ: 3 TC (0, 0, 0, 60, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Giáo dục quốc phòng IV, người học có được kiến thức chung về kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật, những kỹ năng quân sự cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng và củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.

- Tài liệu tham khảo chính:

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), *Giáo trình Giáo dục Quốc phòng và An ninh (Dùng cho người học các trường cao đẳng, đại học)*, tập 2, NXB Giáo dục Việt Nam.

### **3.28. Lý luận nhà nước và pháp luật (71124)**

- Số tín chỉ: 4 (55, 10, 0, 0, 0)

- Mô tả: Sau khi hoàn thành học phần Lý luận nhà nước và pháp luật, người học biết được các vấn đề lý luận về nguồn gốc, bản chất, đặc trưng, chức năng,

các kiểu nhà nước; hình thức nhà nước, hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa; biết được nguồn gốc, bản chất, vai trò, đặc trưng, các kiểu pháp luật; hình thức pháp luật xã hội chủ nghĩa; hệ thống pháp luật; thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý, ...; biết liên hệ thực tiễn và vận dụng kiến thức đã học để làm cơ sở cho các môn học pháp lý chuyên ngành; xử lý các vấn đề liên quan đến pháp luật tại nơi làm việc và trong cộng đồng dân cư.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật*, NXB Tư pháp, năm 2022.

[2] Vũ Trọng Lâm (chủ biên), *Giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, năm 2020.

[3] Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

### **3.29. Lịch sử nhà nước, pháp luật và các học thuyết chính trị pháp lý (71202)**

- Số tín chỉ: 2 (27, 6, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Lịch sử nhà nước, pháp luật và các học thuyết chính trị pháp lý, người học trình bày được kiến thức cơ bản về quá trình hình thành, phát triển, thay thế của các kiểu nhà nước và pháp luật trên thế giới. Từ đó, khái quát đặc điểm trong quá trình hình thành, phát triển, hội nhập với khu vực quốc tế của nhà nước và pháp luật Việt Nam trong tiến trình lịch sử; đồng thời biết được lịch sử các học thuyết chính trị trên thế giới qua các thời kỳ.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Lịch sử nhà nước và pháp luật thế giới*, NXB Công an nhân dân, năm 2017.

[2] Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam*, NXB Công an nhân dân, năm 2022.

[3] Hoàng Thị Kim Quế, Nguyễn Đăng Dung, *Lịch sử tư tưởng chính trị pháp lý*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, năm 2017.

### **3.30. Nghề luật và đạo đức nghề luật (71382)**

- Số tín chỉ: 2 (27, 6, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Nghề luật và đạo đức nghề luật, người học biết được các vấn đề cơ bản về nghề luật như khái niệm và phân loại nghề luật; vị trí của nghề luật trong xã hội; biết được khái niệm đạo đức và đạo đức nghề luật, các nguyên tắc chung của đạo đức nghề luật và vai trò của đạo đức nghề luật trong xã hội; các chuẩn mực, quy tắc đạo đức đặt ra cho những cá nhân và tổ chức hành nghề luật, trong đó trọng tâm nghiên cứu là các tiêu chuẩn đạo đức đối với luật sư và thẩm phán.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Nguyễn Hữu Phước, *Hướng dẫn khởi nghiệp với nghề Luật*, Nhà xuất bản Tổng hợp TP HCM, 20

[2] Lê Lan Chi, *Bảo đảm quyền của nạn nhân và một số nhóm yếu thế trong tư pháp hình sự từ quy định của pháp luật đến hoạt động của người hành nghề luật*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, 2022.

### **3.31. Lập luận pháp lý và kỹ năng viết trong nghề luật (71262)**

- Số tín chỉ: 2 (27, 6, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Lập luận pháp lý và kỹ năng viết trong nghề luật, người học trình bày được kiến thức cơ bản về lập luận pháp lý như khái niệm, các phương pháp lập luận pháp lý và những nội dung cơ bản về phương pháp lập luận pháp lý trong áp dụng và giải thích pháp luật, phương pháp lập luận pháp lý trong tư vấn luật và tranh tụng; biết khái niệm viết pháp lý và các hình thức, phương pháp và kỹ năng viết pháp lý trong hành nghề luật.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, *Giáo trình Kỹ năng nghiên cứu và lập luận*, NXB Hồng Đức, năm 2022.

[2] Trần Thị Quang Hồng, *Kỹ năng viết cho người hành nghề luật*, NXB Hồng Đức, năm 2021.

### **3.32. Luật Hiến pháp Việt Nam (71294)**

- Số tín chỉ: 4 (55, 10, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Lý luận nhà nước và pháp luật

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Luật Hiến pháp Việt Nam, người học trình bày được khái niệm ngành Luật Hiến pháp, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của ngành Luật Hiến pháp, lịch sử lập Hiến Việt Nam, chế độ chính trị, chế độ kinh tế, văn hóa, xã hội, công nghệ và môi trường; quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; chính sách đối ngoại, an ninh quốc phòng; về quốc tịch Việt Nam; biết được bộ máy nhà nước và làm rõ địa vị pháp lý của các cơ quan Hiến định trong Bộ máy nhà nước Việt Nam; những kiến thức cơ bản về tổ chức và hoạt động của các thiết chế trong Bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; biết liên hệ thực tiễn và vận dụng được các nguyên tắc hiến định để thực thi trong thực tiễn; đánh giá, phân tích, bình luận và xác định được hướng giải quyết những vấn đề, những sự kiện liên quan đến Luật Hiến pháp.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam*, NXB Tư pháp, năm 2022.

[2] Nguyễn Đăng Dung, *Tài liệu hướng dẫn môn học Luật Hiến pháp Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, năm 2022.

[3] Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

### **3.33. Luật quốc tế về quyền con người (71792)**

- Số tín chỉ: 2 (27, 6, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Luật quốc tế về quyền con người, người học trình bày được kiến thức khái quát về pháp luật quốc tế về quyền con người, những vấn đề quyền con người trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa theo quy định của pháp luật quốc tế; có khả năng vận dụng được những kiến thức đã học để định hướng và xử lý một cách đúng đắn những vấn đề liên quan đến quyền con người, tôn trọng sự khác biệt để đảm bảo khả năng hội nhập, thích nghi; tham gia vào hoạt động thực hiện pháp luật về quyền con người; tuyên truyền và có đóng góp tích cực vào việc bảo đảm thực hiện, thúc đẩy hoạt động thực thi quyền con người.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, *Giáo trình Công pháp quốc tế quyền 2*, NXB Hồng Đức, năm 2022.

[2] Đại học quốc gia Hà Nội, *Giáo trình Lý luận và pháp luật về quyền con người (Tái bản lần hai có sửa chữa, bổ sung)*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, năm 2015.

[3] Nguyễn Thị Kim Ngân, Chu Mạnh Hùng, *Quyền con người trong pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam*, NXB Công an nhân dân, năm 2024.

### **3.34. Luật Hiến pháp nước ngoài (71772)**

- Số tín chỉ: 2 (27, 6, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Luật Hiến pháp nước ngoài, người học trình bày được những nội dung cơ bản của Hiến pháp nước ngoài như khái niệm, sự ra đời, cách thức ban hành và bảo vệ Hiến pháp, các hình thức nhà nước của các quốc gia trên thế giới, sự ra đời và vai trò của các đảng chính trị đối với bộ máy nhà nước, bầu cử, các cơ quan trong bộ máy nhà nước theo quy định của Hiến pháp của các quốc gia.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Luật Hiến pháp nước ngoài*, NXB Công an nhân dân, năm 2022.

[2] Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

### **3.35. Luật học so sánh (71322)**

- Số tín chỉ: 2 (27, 6, 0, 0, 0)

- Mô tả: Sau khi hoàn thành học phần Luật học so sánh, người học biết được các hệ thống pháp luật cơ bản trên thế giới; khái niệm, đặc điểm, đối tượng và phương pháp nghiên cứu của luật học so sánh; những vấn đề cần lưu ý khi nghiên cứu pháp luật nước ngoài; sự hình thành và phát triển của các dòng họ pháp luật

trên thế giới; nội dung các loại nguồn luật, cách thức áp dụng các loại nguồn luật trong các hệ thống pháp luật ở các nước trên thế giới; hệ thống tòa án và thẩm quyền giải quyết các vụ việc của tòa án ở một số nước trên thế giới; việc đào tạo luật và nghề luật ở một số nước trên thế giới. Trên cơ sở kiến thức được trang bị, người học có thể tham gia nghiên cứu khoa học luật, thể hiện ý thức tôn trọng pháp luật, phản biện xây dựng, đóng góp tích cực cho việc hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Luật So sánh*, NXB Công an nhân dân, năm 2022;

[2] Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

### **3.36. Pháp luật về thương mại điện tử (71732)**

- Số tín chỉ: 2 (27, 6, 0, 0, 0)

- Mô tả: Sau khi hoàn thành học phần Pháp luật về thương mại điện tử, người học được trang bị kiến thức pháp luật về hoạt động thương mại điện tử, bao gồm các nội dung: khái quát về thương mại điện tử, giao kết hợp đồng thương mại điện tử, chứng cứ trong thương mại điện tử. Trên cơ sở kiến thức được trang bị, người học có thể tham gia vào hoạt động thương mại điện tử, tuyên truyền, đấu tranh phòng ngừa hành vi vi phạm trong lĩnh vực thương mại điện tử.

- Tài liệu tham khảo chính:

Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

### **3.37. Luật Hành chính (71733)**

- Số tín chỉ: 3 (40, 10, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Lý luận nhà nước và pháp luật

- Mô tả học phần:

Sau khi hoàn thành học phần Luật Hành chính, người học biết được hoạt động hành chính; quy phạm pháp luật hành chính và quan hệ pháp luật hành chính; quy chế pháp lý của cơ quan hành chính nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức, và các tổ chức xã hội; hình thức và phương pháp hành chính nhà nước; vi phạm hành chính - trách nhiệm hành chính; quyết định hành chính; thủ tục hành chính; cưỡng chế hành chính; trách nhiệm bồi thường của nhà nước trong hoạt động hành chính và tố tụng hành chính; biết liên hệ thực tiễn vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các tình huống về quản lý nhà nước; biết cách bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp cho các chủ thể trong quản lý hành chính nhà nước.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, *Giáo trình Luật Hành chính Việt Nam*, NXB Công an nhân dân, năm 2024.

[2] Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Luật Hành chính Việt Nam (Tái bản lần thứ 25)*, NXB Tư pháp, năm 2024.

[3] Trường Đại học Cần Thơ, *Giáo trình Luật Hành chính Việt Nam (Tập 1)*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, năm 2018.

[4] Trường Đại học Cần Thơ, *Giáo trình Luật Hành chính Việt Nam (Tập 2)*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, năm 2020.

[5] Các văn pháp quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

### **3.38. Luật Tố tụng hành chính (71572)**

- Số tín chỉ: 2 (28, 4, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Luật Hành chính

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Luật Tố tụng hành chính, người học biết được các vấn đề cơ bản của ngành Luật Tố tụng hành chính, cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng, biện pháp khẩn cấp tạm thời...; biết được các vấn đề về thẩm quyền của Tòa án nhân dân trong việc xét xử vụ án hành chính; từ chối, thay đổi người tiến hành tố tụng; cấp tổng đạt văn bản tố tụng; xét xử sơ thẩm, xét xử phúc thẩm, xem xét lại bản án đã có hiệu lực theo thủ tục giám đốc thẩm; trình tự, thủ tục giải quyết vụ án hành chính. Trên cơ sở kiến thức được trang bị, người học có thể vận dụng được pháp luật tố tụng hành chính trong quá trình giải quyết vụ án hành chính.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, *Giáo trình Luật Tố tụng hành chính*, NXB Hồng Đức, TP. HCM, năm 2023.

[2] Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

### **3.39. Luật Dân sự 1 (71483)**

- Số tín chỉ: 3 (40, 10, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Lý luận nhà nước và pháp luật

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Luật Dân sự 1, người học biết một số vấn đề cơ bản của Luật Dân sự Việt Nam; chủ thể của quan hệ pháp luật dân sự; tài sản và quyền sở hữu; quyền thừa kế; biết vận dụng được các quy định của pháp luật để giải quyết các tình huống phát sinh trên thực tế liên quan đến năng lực chủ thể, quyền sở hữu, quyền thừa kế; phân chia được di sản thừa kế.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Luật Dân sự Việt Nam tập 1*, NXB Tư pháp, năm 2022.

[2] Nguyễn Ngọc Điện, *Giáo trình Luật Dân sự, tập 1 (tái bản lần thứ hai, có chỉnh sửa)*, NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2025.

[3] Trần Anh Tuấn, Vũ Thị Hải Yến, Nguyễn Thị Lan, Nguyễn Văn Hợi, *Pháp luật dân sự Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế và cách mạng công nghiệp lần thứ 4*, NXB Công an nhân dân, năm 2025.

[4] Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

### **3.40. Luật Dân sự 2 (71492)**

- Số tín chỉ: 3 (40, 10, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Luật Dân sự 1

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Luật Dân sự 2, người học trình bày được khái niệm, đặc điểm, các loại nghĩa vụ dân sự; các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự; khái niệm hợp đồng dân sự, hình thức, nội dung của hợp đồng dân sự, giao kết hợp đồng dân sự, thực hiện, sửa đổi và chấm dứt hợp đồng dân sự; khái niệm, nguyên tắc, năng lực chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại; vận dụng được các quy định của pháp luật về nghĩa vụ dân sự, bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự, hợp đồng dân sự, nghĩa vụ ngoài hợp đồng cũng như trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng để giải quyết các tình huống có liên quan.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Luật Dân sự Việt Nam tập 2*, NXB Tư pháp, năm 2022.

[2] Nguyễn Ngọc Điện, *Giáo trình Luật Dân sự, tập 2 (tái bản lần thứ bảy, có chỉnh sửa)*, NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2024.

[3] Trần Anh Tuấn, Vũ Thị Hải Yến, Nguyễn Thị Lan, Nguyễn Văn Hợi, *Pháp luật dân sự Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế và cách mạng công nghiệp lần thứ 4*, NXB Công an nhân dân, năm 2025.

[4] Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan

### **3.41. Luật Sở hữu trí tuệ (71742)**

- Số tín chỉ: 2 (27, 6, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Luật Sở hữu trí tuệ, người học biết được các vấn đề cơ bản về quyền tác giả, quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và việc bảo hộ các quyền đó. Trên cơ sở kiến thức được trang bị, người học có thể vận dụng để xử lý các tình huống cụ thể như đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong nước và quốc tế, giải quyết các tranh chấp phát sinh liên quan đến sở hữu trí tuệ, tư vấn các vấn đề pháp lý của hợp đồng lixăng; thực thi quy định pháp luật về sở hữu trí tuệ, tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ, góp phần bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của chủ thể về sở hữu trí tuệ.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, *Giáo trình Luật sở hữu trí tuệ*, NXB Hồng Đức, năm 2023.

[2] Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan

### **3.42. Luật Tố tụng Dân sự (71583)**

- Số tín chỉ: 3 (40, 10, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Luật Dân sự 2

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Luật Tố tụng Dân sự, người học trình bày được khái niệm và một số nguyên tắc cơ bản của Luật Tố tụng dân sự; chủ thể của quan hệ pháp luật tố tụng dân sự; thẩm quyền của tòa án nhân dân; án phí, lệ phí trong tố tụng dân sự; chứng cứ và chứng minh trong tố tụng dân sự; trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo trình tự sơ thẩm, phúc thẩm, xem xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật. Trên cơ sở kiến thức được trang bị, người học tiếp cận được những vấn đề cơ bản để thực hiện trình tự tố tụng dân sự trong thực tiễn; có khả năng tiếp cận, tiến hành thực hiện đúng trình tự tố tụng dân sự; nâng cao ý thức trách nhiệm về vai trò, trách nhiệm của người cán bộ pháp lý trong nhà nước pháp quyền, chủ động thích ứng với thay đổi của pháp luật và thực tiễn xã hội.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, *Giáo trình Luật Tố tụng Dân sự Việt Nam (tái bản lần thứ tư, có sửa đổi, bổ sung)*, NXB Công an nhân dân, năm 2025.

[2] Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

### **3.43. Luật Hình sự 1 (71503)**

- Số tín chỉ: 3 (40, 10, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Lý luận nhà nước và pháp luật

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Luật Hình sự 1, người học trình bày được những vấn đề chung về Luật Hình sự; tội phạm; các yếu tố cấu thành tội phạm; những tình tiết loại trừ tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi; các giai đoạn thực hiện tội phạm; hình phạt và các biện pháp tư pháp; vận dụng được kiến thức đã học để giải quyết các tình huống về tội phạm và hình phạt.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam phần chung*, NXB Hồng Đức, 2022.

[2] Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

### **3.44. Luật Hình sự 2 (71512)**

- Số tín chỉ: 2 (28, 4, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Luật Hình sự 1

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Luật Hình sự 2, người học trình bày được dấu hiệu pháp lý của từng tội phạm cụ thể; đánh giá được tính chất nguy hiểm của từng loại tội và từng trường hợp phạm tội cụ thể; so sánh được các tội phạm trong một nhóm tội cụ thể; định tội danh được đối với từng trường hợp phạm tội cụ thể.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam phân các tội phạm, tập 1,2*, NXB Hồng Đức, năm 2022.

[2] Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan

### **3.45. Luật Tố tụng hình sự (71603)**

- Số tín chỉ: 3 (30, 0, 30, 0, 0)

- Học phần học trước: Luật Hình sự 2

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Luật Tố tụng hình sự, người học trình bày được khái niệm, nhiệm vụ, nguyên tắc của Luật Tố tụng hình sự; biết được cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng; chứng cứ, chứng minh và các biện pháp ngăn chặn trong tố tụng hình sự; các giai đoạn của tố tụng hình sự như: Khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án hình sự. Trên cơ sở kiến thức được trang bị, người học có thể thực hiện được thủ tục tố tụng hình sự trong thực tiễn; nâng cao ý thức trách nhiệm về vai trò, trách nhiệm của người cán bộ pháp lý trong nhà nước pháp quyền, chủ động thích ứng với thay đổi của pháp luật và thực tiễn xã hội.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, *Giáo trình Luật Tố tụng Hình sự Việt Nam (tái bản lần thứ sáu)*, NXB Công an nhân dân, năm 2025.

[2] Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

### **3.46. Luật Thương mại 1 (71533)**

- Số tín chỉ: 3 (40, 10, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Lý luận nhà nước và pháp luật

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Luật Thương mại 1, người học trình bày được đặc điểm pháp lý, cơ cấu tổ chức quản lý và chế độ tài chính của các loại hình doanh nghiệp; biết được khái niệm tranh chấp, các hình thức, ý nghĩa của việc giải quyết tranh chấp trong kinh doanh thương mại, các hình thức trọng tài và nguyên tắc cơ bản của tố tụng trọng tài; ưu điểm và hạn chế của các hình thức giải quyết tranh chấp; vận dụng được kiến thức để thành lập doanh nghiệp đúng quy định của pháp luật cũng như tham gia trực tiếp vào việc giải quyết tranh chấp thương mại.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, *Giáo trình pháp luật về chủ thể kinh doanh (tái bản lần thứ sáu, có sửa đổi, bổ sung)*, NXB Công an nhân dân, năm 2025.

[2] Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Luật Thương mại*, NXB. Công an nhân dân, Hà Nội, năm 2020.

[3] Văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

### **3.47. Luật Thương mại 2 (71542)**

- Số tín chỉ: 2 (28, 4, 0, 0, 0)
- Học phần học trước: Luật Thương mại 1
- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Luật Thương mại 2, người học trình bày được khái niệm, các căn cứ áp dụng, nội dung và ý nghĩa của các chế tài thương mại; thời hạn khiếu nại thương mại; vận dụng được kiến thức về các hoạt động thương mại của thương nhân để đàm phán, soạn thảo và giao kết hợp đồng theo đúng quy định của pháp luật thương mại.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, Giáo trình pháp luật về thương mại, hàng hóa dịch vụ (*tái bản lần thứ tư, có sửa đổi, bổ sung*), NXB Công an nhân dân, năm 2024.

- [2] Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

### **3.48. Luật Hôn nhân và Gia đình (71642)**

- Số tín chỉ: 2 (25, 10, 0, 0, 0)
- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Luật Hôn nhân và Gia đình, người học trình bày được khái niệm, đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh, vị trí của ngành Luật Hôn nhân và gia đình trong hệ thống pháp luật Việt Nam; biết được một số vấn đề pháp lý liên quan đến lĩnh vực hôn nhân và gia đình như kết hôn, quan hệ vợ - chồng, quan hệ cha, mẹ - con, cấp dưỡng giữa các thành viên trong gia đình, chấm dứt hôn nhân. Trên cơ sở kiến thức được trang bị, người học có thể vận dụng để xử lý các tranh chấp liên quan đến quyền và nghĩa vụ của các bên trong quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam*, NXB Tư pháp, năm 2021.

[2] Tuấn Đạo Thanh Phạm Thu Hằng, Nguyễn Văn Mạnh, *Giao dịch dân sự liên quan tới tài sản của vợ chồng qua thực tiễn hành nghề công chứng*, NXB Tư pháp, năm 2021.

- [3] Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

### **3.49. Luật Lao động (71193)**

- Số tín chỉ: 3 (40, 10, 0, 0, 0)
- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Luật Lao động, người học trình bày được khái niệm ngành Luật Lao động; đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh, quan hệ pháp luật lao động; khái niệm về hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể và các quy định khác liên quan đến Luật Lao động. Soạn thảo được các văn bản

thông dụng trong lĩnh vực lao động như: hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, nội quy lao động.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, *Giáo trình Luật Lao động*, NXB Hồng Đức, TPHCM, năm 2023.

[2] Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

### **3.50. Luật Đất đai (71263)**

- Số tín chỉ: 3 (40, 10, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Luật Dân sự 2

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Luật Đất đai, người học biết được các thủ tục hành chính trong quản lý, sử dụng đất đai; trình tự thủ tục giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai và xử lý các vi phạm pháp luật về đất đai. Người học có các kỹ năng: đọc, hiểu, phân tích, đánh giá các quy định của pháp luật đất đai, từ đó biết cách vận dụng, áp dụng các quy định của pháp luật đất đai để giải quyết các tình huống thực tế trong quản lý và sử dụng đất.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Luật Đất đai*, NXB Công an nhân dân, năm 2020.

[2] Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

### **3.51. Luật Môi trường (71272)**

- Số tín chỉ: 2 (28, 4, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Luật Môi trường, người học biết được kiến thức cơ bản về môi trường tạo cơ sở cho việc tiếp cận ở mức có thể hiểu và áp dụng được các văn bản pháp quy về môi trường. Phân tích, đánh giá môi trường và các quy định của pháp luật môi trường.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Luật Môi trường*, NXB Công an nhân dân, năm 2021.

[2] Phạm Văn Võ, *Tập bài giảng Luật Môi trường*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, năm 2023.

[3] Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

### **3.52. Thanh tra, khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng (71693)**

- Số tín chỉ: 3 (40, 10, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Luật Hành chính

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Thanh tra, khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng, người học trình bày được những vấn đề cơ bản về lý luận và thực

tiền hoạt động thanh tra, khiếu nại, tố cáo; pháp luật về thanh tra, khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo; về tham nhũng, các hành vi tham nhũng, công tác phòng chống tham nhũng. Trên cơ sở kiến thức được trang bị, người học có thể trở thành chủ thể thực thi công tác thanh tra; giải quyết khiếu nại, tố cáo; tham gia công tác phòng chống tham nhũng. Qua đó, góp phần nâng cao nhận thức của nhân dân trong việc bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của mình và nâng cao nhận thức về công tác phòng chống tham nhũng; nâng cao ý thức trách nhiệm về vai trò, trách nhiệm của người cán bộ pháp lý trong nhà nước pháp quyền, chủ động thích ứng với thay đổi của pháp luật và thực tiễn xã hội.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, *Tập bài giảng Pháp luật thanh tra, khiếu nại và tố cáo*, NXB Hồng Đức, năm 2020.

[2] Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

### **3.53. Công pháp quốc tế (71653)**

- Số tín chỉ: 3 (40, 10, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Công pháp quốc tế, người học biết được những nội dung cơ bản về luật quốc tế như: Khái niệm về luật quốc tế; nguồn của luật quốc tế; các nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế; quốc gia và dân cư; nội dung về luật ngoại giao và lãnh sự; tranh chấp quốc tế và cơ chế giải quyết tranh chấp quốc tế. Trên cơ sở kiến thức được trang bị, người học có khả năng nhận biết, lý giải các vấn đề thuộc quan hệ công pháp quốc tế; nhận định được các tranh chấp và cơ chế giải quyết quốc tế; có ý thức bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của quốc gia và dân cư trên cơ sở pháp luật quốc tế; tích cực đấu tranh bảo vệ công lý.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, *Giáo trình Công pháp quốc tế (quyển 1)*, NXB Công an nhân dân, năm 2025.

[2] Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, *Giáo trình Công pháp quốc tế (quyển 2)*, NXB Hồng Đức, năm 2022.

[3] Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

### **3.54. Tư pháp quốc tế (71662)**

- Số tín chỉ: 2 (25, 10, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Tư pháp quốc tế, người học biết được tổng quan về tư pháp quốc tế; xung đột pháp luật và áp dụng pháp luật nước ngoài; xung đột thẩm quyền trong tư pháp quốc tế; công nhận và thi hành bản án nước ngoài, quyết định của trọng tài nước ngoài; quyền sở hữu và thừa kế trong tư pháp quốc tế; hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng trong tư pháp quốc tế; hôn nhân và gia đình trong tư pháp quốc tế; quyền sở hữu trí tuệ trong tư pháp quốc tế; lao

động trong tư pháp quốc tế. Trên cơ sở kiến thức được trang bị, người học có khả năng nhận định, xác định phương thức giải quyết các tranh chấp, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của chủ thể trong quan hệ tư pháp quốc tế; tích cực nâng cao trình độ nhận thức về các vấn đề của tư pháp quốc tế trong bối cảnh hội nhập; chủ động vận dụng các kiến thức đã học trong phân tích và giải quyết các vấn đề của tư pháp quốc tế Việt Nam.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, *Giáo trình Tư pháp quốc tế*, NXB Công an nhân dân, năm 2024.

[2] Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

### **3.55. Luật Thương mại quốc tế (71672)**

- Số tín chỉ: 2 (27, 6, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Luật Thương mại quốc tế, người học trình bày được các nội dung cơ bản hoạt động thương mại quốc tế, quy tắc, tập quán điều chỉnh hoạt động thương mại quốc tế và pháp luật điều chỉnh về hoạt động thương mại quốc tế. Biết liên hệ thực tiễn và vận dụng kiến thức đã học để xử lý các vấn đề liên quan đến hoạt động thương mại quốc tế và hội nhập kinh tế quốc tế.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, *Giáo trình Luật Thương mại quốc tế phần 1, phần 2*, NXB Hồng Đức, năm 2022.

[2] Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

### **3.56. Pháp luật cộng đồng ASEAN (71502)**

- Số tín chỉ: 2 (27, 6, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Pháp luật cộng đồng ASEAN, người học biết được kiến thức lý luận cơ bản và những kiến thức pháp lý về: Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF), hợp tác quốc phòng, tương trợ tư pháp hình sự, hợp tác phòng chống tội phạm xuyên quốc gia; khu vực thương mại tự do ASEAN, khu vực đầu tư ASEAN, tự do hoá dịch vụ và lao động lành nghề; thu hẹp khoảng cách phát triển, xóa đói giảm nghèo, phát triển con người, xã hội và đảm bảo bền vững môi trường, tạo dựng bản sắc ASEAN; hợp tác ngoại khối; cơ chế giải quyết tranh chấp; biết được thực tiễn thực hiện nghĩa vụ thành viên của Việt Nam, vai trò của ASEAN trong phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo chủ quyền quốc gia và chủ trương, định hướng hội nhập ASEAN của Việt Nam.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Pháp luật cộng đồng ASEAN*, NXB Công an nhân dân, năm 2020.

[2] Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

### **3.57. Kỹ thuật xây dựng văn bản (71022)**

- Số tín chỉ: 2 (15, 0, 30, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Kỹ thuật xây dựng văn bản, người học biết được những kiến thức cơ bản về cách thức, quy trình soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hành chính. Biết liên hệ thực tiễn vận dụng kiến thức đã học, soạn thảo được một số văn bản cụ thể.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, *Giáo trình Kỹ năng soạn thảo văn bản (tái bản lần thứ sáu, có sửa đổi, bổ sung)*, NXB Công an nhân, năm 2024.

[2] Các văn pháp quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

### **3.58. Luật Tài chính (71622)**

- Số tín chỉ: 2 (27, 6, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Luật Tài chính, người học trình bày được các quy định pháp luật về ngân sách và thuế. Học phần gồm 2 phần: Phần 1 - Pháp luật về ngân sách (bao gồm các chương: khái quát pháp luật về ngân sách nhà nước, chu trình ngân sách nhà nước, chế độ pháp lý về các khoản thu ngân sách nhà nước, chế độ pháp lý về các khoản chi ngân sách nhà nước). Phần 2 - Pháp luật về thuế (bao gồm các chương: khái quát về thuế và pháp luật thuế, các sắc thuế chủ yếu hiện hành theo pháp luật Việt Nam). Trên cơ sở kiến thức được trang bị, người học biết liên hệ thực tiễn vận dụng kiến thức pháp luật để quản lý đối với lĩnh vực ngân sách và thuế; thể hiện được ý thức và trách nhiệm của công dân đối với nhà nước trong lĩnh vực tài chính nói chung.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Luật Ngân sách nhà nước*, NXB Công an nhân dân, năm 2022;

[2] Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Luật thuế*, NXB Công an nhân dân, năm 2022;

[3]. Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

### **3.59. Tội phạm học (71522)**

- Số tín chỉ: 2 (27, 6, 0, 0, 0)

- Mô tả: Sau khi hoàn thành học phần Tội phạm học, người học biết được kiến thức khái quát về tội phạm học, bao gồm các nội dung: khái niệm tội phạm học và vị trí của tội phạm học trong hệ thống các khoa học; các học thuyết tội phạm học trên thế giới; tình hình tội phạm; nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm; nhân thân người phạm tội; phòng ngừa tội phạm. Trên cơ sở kiến thức được trang bị, người học có thể tham gia nghiên cứu khoa học về tội phạm học, góp phần tích cực trong công tác tuyên truyền, đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Tội phạm học*, NXB Công an nhân dân, năm 2022.

[2] Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

### **3.60. Luật Ngân hàng (71632)**

- Số tín chỉ: 2 (27, 6, 0, 0, 0)

- Mô tả: Sau khi hoàn thành học phần Luật Ngân hàng, người học biết được khái quát về Luật Ngân hàng và quan hệ pháp luật Ngân hàng; vị trí pháp lý của Ngân hàng nhà nước Việt Nam; vị trí pháp lý của các Tổ chức tín dụng; pháp luật về quản lý tiền tệ và ngoại hối; hoạt động cấp tín dụng; pháp luật về dịch vụ thanh toán qua tổ chức cung ứng dịch vụ. Trên cơ sở kiến thức được trang bị, người học biết liên hệ thực tiễn vận dụng kiến thức pháp luật để quản lý và thực hiện hoạt động thuộc lĩnh vực ngân hàng; thể hiện ý thức công dân, tôn trọng pháp luật, rèn luyện tác phong sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật; biết lựa chọn hành vi và khẳng định sự tự chủ của mình trong các quan hệ xã hội.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Luật Ngân hàng*, NXB Công an nhân dân, năm 2022;

[2] Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

### **3.61. Khởi nghiệp kinh doanh (67422)**

- Số tín chỉ: 2 (28, 4, 0, 0, 0)

- Mô tả học phần:

Sau khi hoàn thành học phần Khởi nghiệp kinh doanh, người học biết được kiến thức cơ bản về khởi nghiệp kinh doanh, phân tích được ý tưởng, cơ hội kinh doanh; Biết cách soạn thảo kế hoạch khởi nghiệp kinh doanh. Phân tích môi trường và nhận diện được cơ hội kinh doanh; Lập được kế hoạch khởi nghiệp kinh doanh; Tư duy và biết cách vận dụng, liên kết các kiến thức chuyên ngành thành thạo; Giao tiếp, thuyết trình, đối thoại, làm việc nhóm. Khách quan trong việc đánh giá kế hoạch khởi nghiệp kinh doanh của doanh nghiệp; Có thể tự nghiên cứu, mở rộng kiến thức.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Nguyễn Ngọc Huyền, *Giáo trình Khởi sự kinh doanh*, NXB Đại học kinh tế quốc dân, năm 2020

[2] Dương Công Danh, *Giáo trình Tạo lập doanh nghiệp*, NXB Đại học kinh tế quốc dân, năm 2023

### **3.62. Pháp luật kinh doanh bảo hiểm (71802)**

- Số tín chỉ: 2 (27, 6, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Luật Thương mại 1

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Pháp luật kinh doanh bảo hiểm, người học trình bày được một số nội dung về hoạt động kinh doanh bảo hiểm theo quy định của pháp luật Việt Nam như chủ thể kinh doanh bảo hiểm, hợp đồng bảo hiểm, các vấn đề pháp lý về bảo hiểm người, bảo hiểm tài sản và trách nhiệm dân sự, xử lý vi phạm về kinh doanh bảo hiểm; biết liên hệ thực tiễn và vận dụng kiến thức đã học để xử lý các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, *Giáo trình Pháp luật về kinh doanh bảo hiểm*, NXB Công an nhân, năm 2024.

[2] Bạch Thị Nhã Nam, Bùi Thị Hằng Nga, *Tài liệu học tập Pháp luật Kinh doanh bảo hiểm*, NXB Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh, năm 2020.

[3] Các văn pháp quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

### **3.63. Luật Nhà ở và kinh doanh bất động sản (71832)**

- Số tín chỉ: 2 (25, 10, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Luật Nhà ở và kinh doanh bất động sản, người học biết được kiến thức về hoạt động quản lý, sử dụng, sở hữu nhà ở và quy định của pháp luật về kinh doanh bất động sản; biết liên hệ thực tiễn và vận dụng kiến thức đã học để xử lý các vấn đề liên quan đến nhà ở và kinh doanh bất động sản.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, *Giáo trình Giao dịch về nhà ở*, NXB Công an nhân, năm 2024.

[2] Lưu Quốc Thái, *Pháp luật kinh doanh bất động sản*, NXB Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh, năm 2022.

[3] Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

### **3.64. Công tác hộ tịch (71342)**

- Số tín chỉ: 2 (25, 10, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Công tác hộ tịch, người học trình bày được các kiến thức cơ bản về hộ tịch và đăng ký hộ tịch và quản lý hộ tịch. Biết liên hệ thực tiễn và vận dụng kiến thức đã học để xử lý các vấn đề liên quan đến hộ tịch và công tác quản lý hộ tịch một cách có hiệu quả.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Nguyễn Công Khanh, *Hộ tịch - Cẩm nang nghiệp vụ*, NXB Tư pháp, năm 2023.

[2] Các văn pháp quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

### **3.65. Công tác thi hành án dân sự (71432)**

- Số tín chỉ: 2 (25, 10, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Luật Dân sự 2

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Công tác thi hành án dân sự, người học trình bày được những vấn đề chung về thi hành án dân sự, hệ thống cơ quan thi hành án dân sự, thủ tục thi hành án dân sự, cưỡng chế và xử lý vi phạm trong thi hành án dân sự. Biết liên hệ thực tiễn và vận dụng kiến thức đã học để xử lý các vấn đề liên quan đến thi hành án dân sự và áp dụng pháp luật dân sự trong quá trình thi hành án.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Tổng cục Thi Hành án dân sự, *Bộ Tài liệu tình huống hướng dẫn giải đáp nghiệp vụ thi hành án dân sự*, năm 2024.

[2] Các văn pháp quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

### **3.66. Công chứng, chứng thực (71462)**

- Số tín chỉ: 2 (25, 10, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Công chứng, chứng thực, người học trình bày được các vấn đề lý luận và quy định pháp luật về hoạt động công chứng, chứng thực. Biết liên hệ thực tiễn và vận dụng kiến thức đã học để xử lý các vấn đề liên quan đến hoạt động công chứng, chứng thực đồng thời bảo vệ quyền lợi chính đáng của các cá nhân, tổ chức.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Đặng Công Tráng (Chủ biên), *Pháp luật về luật sư, công chứng, chứng thực và thừa phát lại*, NXB Đại học Công nghiệp TP Hồ Chí Minh, năm 2017.

[2] Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, *Tập bài giảng pháp luật về công chứng, luật sư (tái bản lần thứ ba)*, NXB Công an nhân dân, năm 2024.

[3] Các văn pháp quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

### **3.67. Công tác hòa giải, tuyên truyền pháp luật (71712)**

- Số tín chỉ: 2 (25, 10, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Công tác hòa giải, tuyên truyền pháp luật, người học biết được kiến thức cơ bản về công tác hòa giải như khái niệm, tổ hoà giải, người tham gia hoà giải, hoà giải viên, những trường hợp được hoà giải và không được hòa giải, trình tự, thủ tục hòa giải và những kỹ năng cần thiết khi thực hiện hòa giải; biết được khái niệm tuyên truyền pháp luật, những văn bản được tuyên truyền và các hình thức tuyên truyền pháp luật; đội ngũ tuyên truyền pháp luật; kỹ năng xây dựng đề cương và kỹ năng thực hiện tuyên truyền pháp luật; biết liên hệ thực tiễn và vận dụng kiến thức đã học để tham gia vào công tác hòa giải ở cơ sở và thực hiện tuyên truyền pháp luật ở cơ sở.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Nguyễn Văn Phụng, *Tập bài giảng Nghiệp vụ phổ biến, giáo dục pháp luật và hoà giải ở cơ sở*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, năm 2018.

[2] Các văn pháp quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

### **3.68. Kỹ năng soạn thảo hợp đồng (71452)**

- Số tín chỉ: 2 (25, 10, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Luật Dân sự 2

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Kỹ năng soạn thảo hợp đồng, người học biết được kiến thức và các kỹ năng trong việc soạn thảo hợp đồng. Biết liên hệ thực tiễn và vận dụng kiến thức đã học để thực hiện soạn thảo hợp đồng cho phù hợp với nội dung hợp đồng.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Quí Lâm (tuyển chọn và hệ thống), *Tìm hiểu kinh nghiệm soạn thảo và xử lý tranh chấp khi thực hiện hợp đồng*, NXB Lao động, năm 2016.

[2] Đặng Ý My, Ngô Huy Khánh, *Những vấn đề cơ bản về soạn thảo hợp đồng và bộ mẫu hợp đồng thông dụng nhất*, NXB Hồng Đức, năm 2020.

[3] Trương Nhật Quang, *Pháp luật về hợp đồng: Các vấn đề pháp lý cơ bản*, NXB Dân Trí, năm 2020

[4] Nguyễn Phương (hệ thống), *Hướng dẫn thể thức và kỹ thuật trình bày, soạn thảo văn bản hành chính trong các cơ quan, đơn vị - Tuyển chọn, tham khảo các mẫu hợp đồng lao động, kinh tế, dân sự thường dùng trong các cơ quan, đơn vị hành chính sự nghiệp, doanh nghiệp*, NXB Thế Giới, năm 2020.

[5] Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

### **3.69. Pháp chế doanh nghiệp (71752)**

- Số tín chỉ: 2 (25, 10, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Luật Thương mại 1

- Mô tả: Sau khi hoàn thành học phần Pháp chế doanh nghiệp, người học biết được kiến thức cơ bản về công tác pháp chế doanh nghiệp; biết liên hệ thực tiễn và vận dụng kiến thức đã học để kiểm soát các quy định liên quan tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp đồng thời tránh rủi ro pháp lý cho doanh nghiệp.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Lê Văn Dũng, Nguyễn Như Quỳnh, *Pháp chế doanh nghiệp - Những Kỹ năng cơ bản*, NXB Thanh niên, năm 2022.

[2] Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

### **3.70. Kỹ năng giải quyết các vụ án dân sự (71762)**

- Số tín chỉ: 2 (25, 10, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Luật Dân sự 2

- Mô tả: Sau khi hoàn thành học phần Kỹ năng giải quyết các vụ án dân sự, người học biết được kiến thức cơ bản về kỹ năng của thẩm phán trong việc giải

quyết các vụ án dân sự; biết liên hệ thực tiễn và vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề liên quan đến vụ án dân sự.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] PGS. TS Phạm Minh Tuyên, TS Nguyễn Thanh Hải và TS Đặng Thị Thơm (đồng chủ biên), *Cẩm nang giải quyết các vụ án dân sự, kinh doanh, thương mại, lao động, hôn nhân và gia đình: Hướng dẫn chi tiết và tư vấn chuyên sâu*, NXB Thanh niên, năm 2022.

[2] Học viện Tư pháp, *Kỹ năng giải quyết các vụ việc dân sự*, NXB Tư pháp, năm 2013.

[3] Nguyễn Quang Hiền, *Giải quyết vụ việc dân sự*, NXB Lao động, năm 2022.

[4] Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

### **3.71. Giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế (71782)**

- Số tín chỉ: 2 (25, 10, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Luật Thương mại 1

- Mô tả: Sau khi hoàn thành học phần Giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế, người học có kiến thức về giải quyết tranh chấp trong hoạt động thương mại quốc tế, bao gồm: khái quát về tranh chấp trong hoạt động thương mại quốc tế; cơ chế giải quyết tranh chấp trong thương mại quốc tế giữa các quốc gia, quốc gia và thương nhân, giữa các thương nhân. Trên cơ sở kiến thức được trang bị, người học hình thành nhận thức đúng đắn tham gia vào hoạt động thương mại quốc tế; có hình thức và biện pháp hữu hiệu bảo vệ quyền lợi của chủ thể trong hoạt động thương mại quốc tế.

- Tài liệu tham khảo chính:

Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Pháp luật về giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế*, NXB Tư pháp, năm 2021.

### **3.72. Chuyên đề cuối khóa (71844)**

- Số tín chỉ: 2 (0, 0, 0, 0, 90)

- Mô tả: Sau khi hoàn thành học phần Chuyên đề cuối khóa, người học được rèn luyện kỹ năng phân tích, tổng hợp và phản biện pháp lý; phát triển khả năng viết báo cáo khoa học; nâng cao năng lực tự nghiên cứu, tư duy độc lập và giải quyết vấn đề pháp lý thực tiễn. Học phần cũng tạo điều kiện cho sinh viên tiếp cận, cập nhật các văn bản pháp luật, án lệ và tình huống pháp lý mới, từ đó hình thành tác phong làm việc khoa học, tuân thủ chuẩn mực nghề luật và đạo đức học thuật.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Phan Trung Hiền, *Để hoàn thành tốt luận văn ngành Luật*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, năm 2024.

[2] Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

### **3.73. Nghề luật sư và hoạt động tư vấn pháp luật (71422)**

- Số tín chỉ: 2 (25, 10, 0, 0, 0)

- Mô tả: Sau khi hoàn thành học phần Nghề luật sư và hoạt động tư vấn pháp luật, người học trình bày được kiến thức cơ bản về hoạt động hành nghề luật sư và tư vấn pháp luật. Biết liên hệ thực tiễn và vận dụng kiến thức đã học để xử lý các tình huống pháp luật tại nơi làm việc và trong cộng đồng.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Học viện Tư pháp, *Giáo trình Kỹ năng tư vấn pháp luật*, NXB Công an nhân dân, năm 2021.

[2] Th.S. Nguyễn Hữu Ước, TS. Nguyễn Văn Điệp, *Tập bài giảng Luật sư và Nghề luật sư*, NXB Tư pháp, năm 2019.

[3] Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, *Tập bài giảng pháp luật về công chứng, luật sư (tái bản lần thứ ba)*, NXB Công an nhân dân, năm 2024.

[4] Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

### **3.74. Khóa luận cuối khóa (71856)**

- Số tín chỉ: 6 (0, 0, 0, 0, 360)

- Mô tả: Sau khi hoàn thành học phần Khóa luận cuối khóa, người học tổng hợp được kiến thức và kỹ năng đã học để nghiên cứu, phân tích và giải quyết một vấn đề pháp lý cụ thể, thể hiện qua một công trình nghiên cứu hoàn chỉnh, bảo đảm chuẩn mực khoa học và yêu cầu của ngành Luật

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Phan Trung Hiền, *Để hoàn thành tốt luận văn ngành Luật*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, năm 2024.

[2] Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

### **3.75. Thực tập (71855)**

- Số tín chỉ: 5 (0, 0, 0, 225, 0)

- Mô tả: Sau khi hoàn thành học phần Thực tập, người học biết được kiến thức cơ bản về hoạt động của các cơ quan, tổ chức, cá nhân khi tham gia vào quá trình thực hiện pháp luật tại đơn vị thực tập. Biết liên hệ thực tiễn và vận dụng kiến thức đã học để đưa ra giải pháp để khắc phục những tồn tại trong thực tiễn.

- Tài liệu tham khảo chính:

Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

### **3.76. Trải nghiệm (71842)**

- Số tín chỉ: 2 (0, 0, 0, 90, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Trải nghiệm, người học tiếp cận được thực tiễn hoạt động pháp lý tại các cơ quan, tổ chức hành nghề luật như Tòa án, Viện kiểm sát, Văn phòng luật sư, Văn phòng công chứng, các doanh nghiệp, ... Thông qua quan sát, phỏng vấn, tham gia các hoạt động thực tế và viết báo cáo thu hoạch, sinh viên hình thành nhận thức ban đầu về nghề luật, rèn luyện kỹ năng giao tiếp, quan sát và xử lý tình huống pháp lý thực tiễn.

#### 4. Sơ đồ đào tạo toàn khóa học

Phụ lục I - Sơ đồ đào tạo toàn khóa

#### 5. Ma trận đối sánh giữa học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Phụ lục II - Ma trận đối sánh giữa học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

#### 6. Hình thức học tập và phương pháp giảng dạy

Loại tín chỉ	Hình thức học tập	Phương pháp giảng dạy
Giảng lý thuyết (LT)	Nghe giảng lý thuyết; nghe giảng phương pháp thực hành, nghe hướng dẫn thực hành, viết tiểu luận, viết khóa luận, làm đồ án ở lớp học (phòng học lý thuyết). Nghe thuyết trình, thảo luận chuyên đề (thay cho nghe GV giảng lý thuyết)	<i>Thuyết trình</i> <i>Giảng bài</i> <i>Câu hỏi gợi ý</i> <i>Trình bày mẫu</i>
Thảo luận (TL)	Thảo luận (sau khi nghe giảng lý thuyết), giải bài tập tình huống, thực hành được tổ chức cùng loại hình lý thuyết ở lớp học lý thuyết, có GV hướng dẫn	<i>Tranh biện</i> <i>Thảo luận</i> <i>Giải quyết vấn đề</i> <i>Học tập nhóm</i> <i>Tương tác, phản hồi</i>
Thực hành (TH)	Người học thao tác thực hành ở lớp; thực hành ở phòng máy tính; thực hành diễn án trong phiên tòa giả định, phiên trọng tài, hòa giải, đàm phán, ...	<i>Luyện tập kỹ năng</i> <i>Thực hành</i> <i>Làm việc nhóm</i> <i>Mô phỏng</i> <i>Mô hình</i>
Thực tập	Thực hành, trải nghiệm (có GV hướng dẫn) ở cơ sở bên ngoài hay trong trường	<i>Nghiên cứu tài liệu</i> <i>Nghiên cứu tình huống</i> <i>Trải nghiệm thực tế</i>

#### 7. Phương pháp và hình thức đánh giá kết quả học tập

##### 7.1. Thang điểm đánh giá

Thực hiện theo Quy định đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non của Trường Đại học Tiền Giang ban hành kèm theo Quyết định số 559/QĐ-ĐHTG ngày 20 tháng 10 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang và các quy định hiện hành.

##### 7.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thực hiện theo Quy định đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non của Trường Đại học Tiền Giang ban hành kèm theo Quyết định số 559/QĐ-ĐHTG ngày 20 tháng 10 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang và các quy định hiện hành.

### 7.3. Phương pháp đánh giá

Ma trận thể hiện quan hệ giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

TT	Phương pháp đánh giá	Chuẩn đầu ra											
		Kiến thức				Kỹ năng					Mức tự chủ và trách nhiệm		
		K01	K02	K03	K04	S01	S02	S03	S04	S05	A01	A02	A03
<b>I</b>	<b>Đánh giá quá trình</b>												
1	Đánh giá qua mức độ chuyên cần	x	x	x	x							x	
2	Đánh giá qua kết quả thực hiện nhiệm vụ độc lập (tự học, kiểm tra với các hình thức)	x	x	x	x		x				x		
3	Đánh giá qua kết quả thực hiện nhiệm vụ với nhóm							x			x	x	
4	Đánh giá qua thuyết trình trên lớp		x					x	x	x			
<b>II</b>	<b>Đánh giá tích lũy kiến thức</b>												
1	Đánh giá qua kỳ thi kết thúc học phần	x	x	x	x					x		x	
2	Đánh giá qua thực hành, trải nghiệm, thực tập					x			x	x	x	x	x
3	Đánh giá qua việc thực hiện khóa luận			x	x	x				x	x	x	x
<b>III</b>	<b>Đánh giá khác</b>												
1	Đánh giá qua			x	x		x			x	x	x	x

TT	Phương pháp đánh giá	Chuẩn đầu ra												
		Kiến thức				Kỹ năng					Mức tự chủ và trách nhiệm			
		K01	K02	K03	K04	S01	S02	S03	S04	S05	A01	A02	A03	
	việc tham gia các đề tài NCKH													
2	Đánh giá qua hoạt động rèn luyện													x

Ghi chú: dấu (x) thể hiện mối liên hệ giữa phương pháp đánh giá và CDR của CTĐT.

## 8. Điều kiện thực hiện chương trình đào tạo

### 8.1. Các cơ sở thực hành thực tập ngoài cơ sở đào tạo

STT	Cơ sở thực hành thực tập	Ghi chú
1	Tòa án nhân dân	Trong và ngoài Tỉnh Đồng Tháp
2	Viện Kiểm sát nhân dân	
3	Cơ quan Thi hành án dân sự	
4	Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp	
5	Cơ quan Sở, ngành	
6	Phòng công chứng, văn phòng công chứng	
7	Văn phòng thừa phát lại	
8	Công ty luật	
9	Doanh nghiệp	
10	Văn phòng luật sư	

### 8.2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

#### a) Số lượng, diện tích đất, diện tích sàn xây dựng của Trường:

- Tổng diện tích đất của trường: 226.882,5 m<sup>2</sup>

- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường tính trên một sinh viên chính quy: 12,34 m<sup>2</sup>/sinh viên (hiện nay tổng diện tích sàn XD: 76.592,515 m<sup>2</sup>/6201 sinh viên)

STT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m <sup>2</sup> )
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	113	11.744
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	6	1.731
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	6	954

STT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m <sup>2</sup> )
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	31	3.715
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	49	3.971
1.5	Số phòng học đa phương tiện	2	288
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	19	1.085
2	Thư viện, trung tâm học liệu	1	4.241
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	51	6.873
<b>Tổng:</b>		<b>165</b>	<b>22.858</b>

**b) Phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành và trang thiết bị phục vụ thiết bị thực hành đối với ngành Luật**

Số TT	Loại phòng học (Phòng thí nghiệm)	Số lượng	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/môn học
1	Phòng xử án	1	60m <sup>2</sup>	Quốc huy	1	Luật Tố tụng hành chính, Luật Tố tụng hình sự 2, Luật Tố tụng dân sự 2
				Bảng nội quy phòng xử án	1	
				Biển chức danh của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng	12	

**8.3. Danh sách giảng viên và nhân viên hỗ trợ**

**a) Danh sách giảng viên toàn thời gian tham gia giảng dạy chương trình ngành Luật**

STT	Họ và tên	Chức danh	Trình độ	Chuyên ngành
1	Nguyễn Trọng Hải	Giảng viên	Tiến sĩ	Luật hiến pháp và luật hành chính
2	Lê Thị Sơn	Giảng viên	Tiến sĩ	Triết học
3	Mai Hoàng Đức Duy	Giảng viên	Tiến sĩ	Luật kinh tế

<b>STT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức danh</b>	<b>Trình độ</b>	<b>Chuyên ngành</b>
4	Võ Văn Sơn	Giảng viên	Tiến sĩ	Văn hóa học
5	Dương Văn Hiều	Giảng viên chính	Tiến sĩ	Công nghệ thông tin
6	Đoàn Minh Nguyệt	Giảng viên chính	NCS	Luật kinh tế
7	Huỳnh Thị Lệ Hoa	Giảng viên	NCS	Luật hiến pháp và luật hành chính
8	Nguyễn Thị Khuyến	Giảng viên chính	Thạc sĩ	Luật hình sự
9	Nguyễn Thị Thùy Trang	Giảng viên	Thạc sĩ	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật
10	Nguyễn Thị Băng Tuyền	Giảng viên chính	Thạc sĩ	Luật kinh tế
11	Trần Thị Bé Năm	Giảng viên chính	Thạc sĩ	Luật kinh tế
12	Mai Thị Lan Phương	Giảng viên chính	Thạc sĩ	Luật quốc tế và so sánh
13	Lê Thanh Nhân	Giảng viên	Thạc sĩ	Luật Hiến pháp và hành chính
14	Lê Hải Thùy Vân	Giảng viên	Thạc sĩ	Luật dân sự và tố tụng dân sự
15	Trương Văn Tiếng	Giảng viên	Thạc sĩ	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật
16	Phan Huy Lâm	Giảng viên	Thạc sĩ	Luật kinh tế
17	Nguyễn Minh Hằng	Giảng viên	Thạc sĩ	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật
18	Huỳnh Phong Bá	Giảng viên	Thạc sĩ	Giáo dục quốc Phòng
20	Bùi Thị Kim Ngân	Giảng viên	Thạc sĩ	Giáo dục học
21	Phan Ngọc Duyên	Giảng viên	Thạc sĩ	Khoa học môi trường
22	Lê Thị Mỹ Xuyên	Giảng viên	Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh
23	Trần Huỳnh Thị Hương Lan	Giảng viên chính	Thạc sĩ	Giáo dục thể chất
24	Cao Thị Tuyết Loan	Giảng viên chính	Thạc sĩ	Lý luận chính trị

<b>STT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức danh</b>	<b>Trình độ</b>	<b>Chuyên ngành</b>
25	Trần Quang Khôi	Giảng viên chính	Thạc sĩ	Kinh tế
26	Lê Hoàng Ân	Giảng viên	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
27	Phan Thị Cẩm Hồng	Giảng viên chính	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh

**b) Danh sách giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy**

<b>STT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức danh</b>	<b>Trình độ</b>	<b>Chuyên ngành</b>
1	Huỳnh Minh Luân	Giảng viên	Tiến sĩ	Luật
2	Nguyễn Thanh Bình	Kiểm sát viên	Thạc sĩ	Luật
3	Trần Thị Hồng Ngân	Thanh tra viên chính	Thạc sĩ	Luật
4	Đỗ Văn Nghĩa	Chuyên viên	Thạc sĩ	Luật
5	Phạm Tuấn Kiệt	Giảng viên	Thạc sĩ	Luật
6	Huỳnh Thị Thu Oanh	Giảng viên	Thạc sĩ	Luật
7	Đặng Thị Phụng	Chuyên viên chính	Thạc sĩ	Luật
8	Đoàn Tấn Minh	Kiểm sát viên	Thạc sĩ	Luật
9	Đàm Viễn Khương	Kiểm sát viên	Thạc sĩ	Luật
10	Nguyễn Thị Hồng Trang	Giảng viên	Tiến sĩ	Luật
11	Nguyễn Thành Minh Chánh	Giảng viên	Thạc sĩ	Luật
12	Nguyễn Phượng An	Giảng viên	Thạc sĩ	Luật
13	Trương Kim Phụng	Giảng viên	Thạc sĩ	Luật
14	Bùi Thanh Vũ	Chuyên viên	Thạc sĩ	Luật
15	Nguyễn Thị Hoa Cúc	Giảng viên	Thạc sĩ	Luật

### c) Danh sách đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ

STT	Họ và tên	Chức danh	Trình độ	Chuyên ngành
1	Tổng Lê Thanh Hải	Chuyên viên	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
2	Châu Minh Nhựt	Chuyên viên	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh

## 9. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo

### 9.1. Tổ chức thực hiện chương trình

- Đảm bảo tính hệ thống và kết hợp mềm dẻo giữa các học phần. Sơ đồ đào tạo là kế hoạch học tập tham khảo để sinh viên thực hiện, tùy vào sức học và kế hoạch cá nhân mà sinh viên có thể tự lập kế hoạch học tập khác phù hợp với kế hoạch và năng lực học tập của sinh viên và quy định đào tạo của Trường. Nhằm định hướng ứng dụng nghề nghiệp, khi xây dựng từng học phần chú trọng đến rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp và khả năng tự học của sinh viên. Khi lập kế hoạch đào tạo cần xây dựng sao cho khi thực hiện lý thuyết đi đôi với thực hành.

- Chương trình Giáo dục quốc phòng: Tổ chức giảng dạy và cấp chứng chỉ theo Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình GDQP&AN trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng và Cơ sở giáo dục đại học.

- Chương trình môn học tiếng Anh: Sinh viên phải đáp ứng chuẩn đầu ra ngoại ngữ theo quy định về chuẩn đầu ra ngoại ngữ và công nhận đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ không chuyên ngữ đối với các chương trình đào tạo trình độ đại học, cao đẳng ngành Giáo dục mầm non của Trường Đại học Tiền Giang ban hành tại Quyết định số 529/QĐ-ĐHTG ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang.

### 9.2. Phương pháp giảng dạy

Áp dụng phương pháp giảng dạy tích cực, kết hợp thực hành tại lớp, tổ chức tốt hoạt động học nhóm, tự thiết kế môi trường thực tập ngôn ngữ, thực tập giảng dạy ngôn ngữ, chú trọng rèn luyện khả năng tự học, tự nghiên cứu của học sinh, sinh viên.

## 10. Thông tin cập nhật

### 10.1. Cơ sở phát triển chương trình

- Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học;

- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

- Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

- Quyết định số 670/QĐ-ĐHTG ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Trường Đại học Tiền Giang về việc ban hành Quy định chương trình đào tạo của Trường Đại học Tiền Giang;

- Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định Khung năng lực số cho người học;

- Thông tư số 04/2025/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

- Quyết định số 1504/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình phổ cập kiến thức, kỹ năng số cho người học trong các cơ sở giáo dục đại học;

- Kế hoạch số 924/KH-ĐHTG ngày 11 tháng 7 năm 2025 của Trường Đại học Tiền Giang về việc Tổ chức rà soát, cập nhật, bổ sung và điều chỉnh chương trình đào tạo, chương trình dạy học áp dụng Khoá 25.

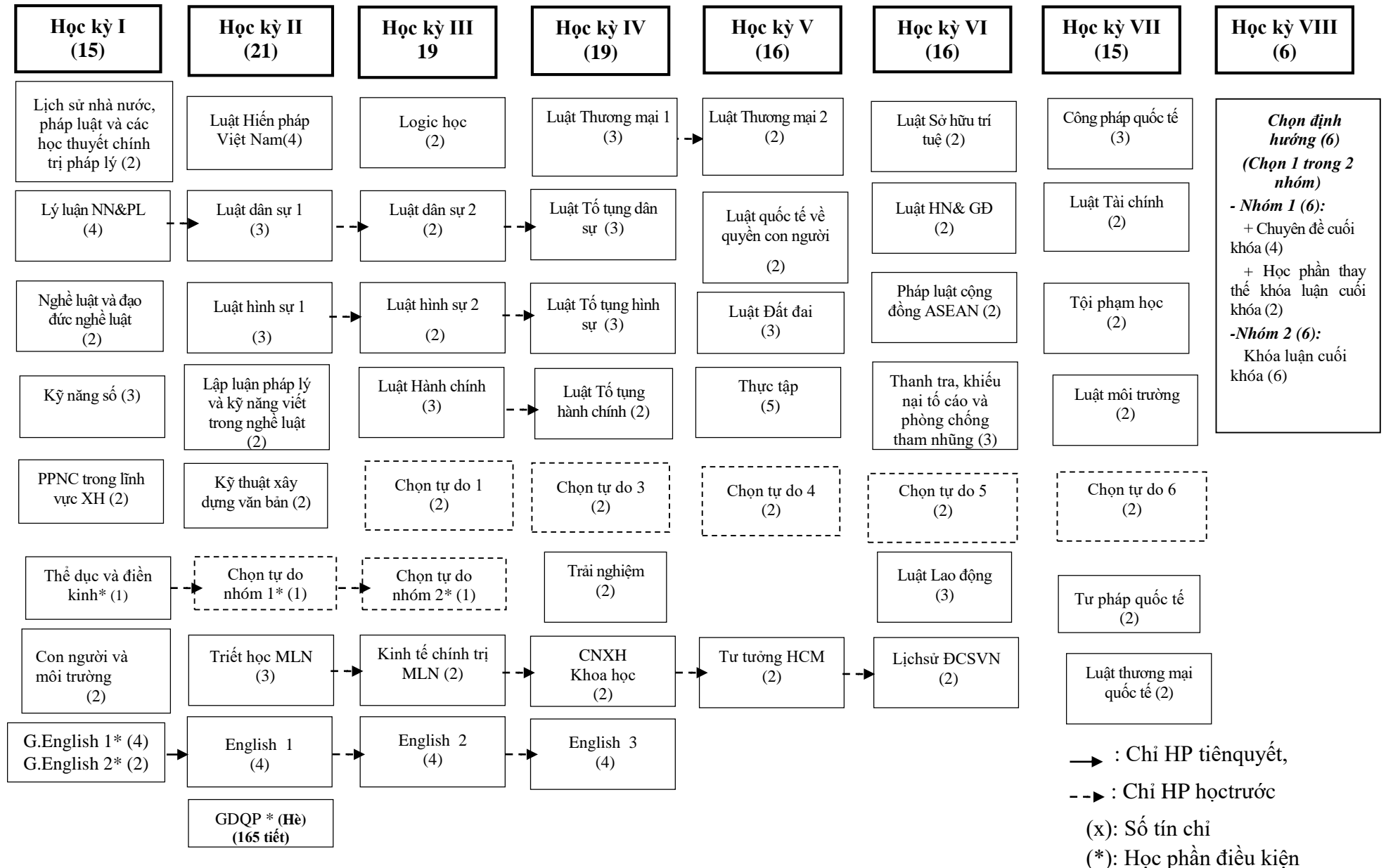
Bên cạnh đó, tổ xây dựng chương trình đào tạo còn dựa vào Quyết định số 678/QĐ-BGDĐT ngày 14/03/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo để cập nhật chương trình đáp ứng yêu cầu của chuẩn chương trình đào tạo lĩnh vực pháp luật trình độ đại học.

## **10.2. Thông tin kiểm định**

Chương trình đào tạo ngành Luật trình độ đại học đã hoàn thành tự đánh giá theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo./.

**PHỤ LỤC I:**  
**SƠ ĐỒ ĐÀO TẠO TOÀN KHÓA HỌC**  
**CTĐT ĐẠI HỌC LUẬT**

**Phụ lục I: Sơ đồ đào tạo toàn khóa học CTĐT Đại học Luật - Khóa 25**



**PHỤ LỤC II:**  
**MA TRẬN ĐỐI SÁNH GIỮA**  
**HỌC PHẦN VỚI CHUẨN ĐẦU RA**  
**CỦA CTĐT**

**Phụ lục II: Ma trận đối sánh giữa học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

HK	TT	Mã học phần	Tên học phần	Kiến thức				Kỹ năng					Mức tự chủ và trách nhiệm			
				K01	K02	K03	K04	S01	S02	S03	S04	S05	A01	A02	A03	A04
<b>I</b>	1	71202	Lịch sử nhà nước, pháp luật và các học thuyết chính trị pháp lý		x			x		x	x	x	x			x
	2	71124	Lý luận Nhà nước và pháp luật		x			x		x	x	x	x			x
	3	71382	Nghề luật và đạo đức nghề luật	x				x		x	x	x	x			
	4	30093	Kỹ năng số		x		x	x		x	x		x			x
	5	73552	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực xã hội	x								x	x			
	6	12371	Thế dục và điền kinh*	x				x		x	x		x			
	7	11902	Con người và môi trường	x				x								x
<b>II</b>	8	71262	Lập luận pháp lý và kỹ năng viết trong nghề luật		x		x	x		x	x	x	x			x
	9	71022	Kỹ thuật xây dựng văn bản		x	x	x	x		x	x	x	x			x
	10	71483	Luật Dân sự 1		x	x	x	x		x	x	x	x			x
	11	71503	Luật Hình sự 1		x	x	x	x		x	x	x	x			x
	12	71294	Luật Hiến pháp Việt Nam		x	x	x	x		x	x	x	x			x

HK	TT	Mã học phần	Tên học phần	Kiến thức				Kỹ năng					Mức tự chủ và trách nhiệm				
				K01	K02	K03	K04	S01	S02	S03	S04	S05	A01	A02	A03	A04	
	13		Nhóm HP chọn tự do 1 (GDTC*)	x				x		x	x	x	x				
	14	00033	Triết học Mác-Lênin	x				x								x	
	15	08024	English 1	x				x					x				
	16	00202	Giáo dục quốc phòng và an ninh*														
III	17	00202	Logic học	x				x		x	x	x	x				
	18	71492	Luật Dân sự 2		x	x		x		x	x	x	x			x	
	19	71512	Luật Hình sự 2		x	x		x		x	x	x	x			x	
	20	71733	Luật Hành chính		x	x	x	x		x	x	x	x			x	
	21	05022	Cơ sở văn hóa Việt Nam A		x	x		x		x	x	x	x			x	
	22	05462	Tiếng Việt thực hành A		x	x		x		x	x	x	x			x	
	23	15062	Tâm lý học đại cương	x					x				x				
	24		Nhóm HP chọn tự do 2 (GDTC*)	x						x			x				
	25	08034	English2	x					x								x
	26	01202	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	x				x					x				
	27	71533	Luật Thương mại 1		x	x		x		x	x	x	x			x	
	28	71583	Luật Tố tụng dân sự														
	29	71603	Luật Tố tụng hình sự		x	x		x		x	x	x	x			x	



HK	TT	Mã học phần	Tên học phần	Kiến thức				Kỹ năng					Mức tự chủ và trách nhiệm			
				K01	K02	K03	K04	S01	S02	S03	S04	S05	A01	A02	A03	A04
VI	48	71742	Luật Sở hữu trí tuệ		x	x		x		x	x	x	x			x
	48	71193	Luật Lao động		x	x		x		x	x	x	x			x
	50	71262	Pháp luật cộng đồng ASEAN				x	x					x			x
	51	71693	Thanh tra, khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng		x	x		x		x	x	x	x			x
	52	71642	Luật Hôn nhân và Gia đình		x	x		x		x	x	x	x			x
	53	71342	Công tác hộ tịch		x	x		x		x	x	x	x			x
	54	71432	Công tác thi hành án dân sự		x	x		x		x	x	x	x			x
	55	71462	Công chứng, chứng thực		x	x		x		x	x	x	x			x
	56	71712	Công tác hòa giải - tuyên truyền pháp luật				x	x						x		
57	03022	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	x				x									x
VII	58	71672	Luật Thương mại quốc tế				x	x					x			x
	59	71653	Công pháp quốc tế				x	x					x			x
	60	71662	Tư pháp quốc tế				x	x					x			x
	61	71622	Luật Tài chính		x	x		x		x	x	x	x			x
	62	71522	Tội phạm học		x	x		x		x	x	x	x			x

HK	TT	Mã học phần	Tên học phần	Kiến thức				Kỹ năng					Mức tự chủ và trách nhiệm			
				K01	K02	K03	K04	S01	S02	S03	S04	S05	A01	A02	A03	A04
	63	71272	Luật Môi trường		x	x		x		x	x	x	x			x
	64	71452	Kỹ năng soạn thảo hợp đồng		x	x		x		x	x	x	x	x	x	x
	65	71752	Pháp chế doanh nghiệp		x	x		x		x	x	x	x	x	x	x
	66	71762	Kỹ năng giải quyết các vụ án dân sự		x	x		x		x	x	x	x	x	x	x
	67	71782	Giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế		x	x		x		x	x	x	x	x	x	x
	68	71844	Chuyên đề cuối khóa				x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
<b>VIII</b>	69	71422	Nghề luật sư và hoạt động tư vấn pháp luật				x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
	70	71876	Khóa luận tốt nghiệp				x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

*Ghi chú: dấu (x) thể hiện học phần có hỗ trợ đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo./*